

WHMIS 2015

Những Điều Cơ Bản



Về WorkSafeBC

Tại WorkSafeBC, chúng tôi tận lực phát huy nơi làm việc an toàn và khỏe mạnh trên khắp B.C. Chúng tôi hợp tác với công nhân và hãng sở để cứu mạng và ngăn ngừa thương tích, bệnh tật, và khuyết tật. Khi xảy ra thương tích hoặc bệnh tật liên quan đến việc làm, chúng tôi bồi thường và yểm trợ công nhân bị thương trong tiến trình bình phục, phục hồi hoạt động, và trở lại làm việc an toàn. Chúng tôi cũng cung cấp bảo hiểm không quy lỗi và nỗ lực làm việc để duy trì hệ thống bồi thường lao động của chúng tôi cho các thế hệ ngày nay và mai sau. Chúng tôi vinh dự được phục vụ công nhân và hãng sở trong tỉnh bang của chúng ta.

Đường Dây Thông Tin Phòng Ngừa của WorkSafeBC

Đường Dây Thông Tin Phòng Ngừa của WorkSafeBC có thể giải đáp các thắc mắc của quý vị về vấn đề sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc, trách nhiệm của công nhân và hãng sở, và trình báo tai nạn hoặc biến cố xảy ra tại nơi làm việc. Đường Dây Thông Tin Phòng Ngừa nhận điện thoại ẩn danh.

Hãy gọi số 604.276.3100 trong vùng Lower Mainland, hoặc gọi số 1.888.621.7233 (621.SAFE) miễn phí tại Canada.

Muốn trình báo tai nạn và những trường hợp cấp cứu sau giờ làm việc và cuối tuần, gọi số 604.273.7711 trong vùng Lower Mainland, hoặc gọi số 1.866.922.4357 (WCB.HELP) miễn phí tại British Columbia.

WHMIS 2015

Những Điều Cơ Bản

Các ấn phẩm của WorkSafeBC

Có nhiều ấn phẩm để trên website của WorkSafeBC. Điều Lệ về Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp và các chính sách và nguyên tắc hướng dẫn liên quan, cũng như các đoạn trích và những phần tóm lược của Đạo Luật Bồi Thường Lao Động, cũng có để trên worksafebc.com.

Cũng có bán một số ấn phẩm:

Điện thoại: 604.232.9704

Điện thoại miễn phí: 1.866.319.9704

Fax: 604.232.9703

Fax miễn phí: 1.888.232.9714

Đặt mua trên mạng: worksafebcstore.com

Ấn bản 2016

ISSN 1715-5940

© 2005, 2016 Ủy Ban Bồi Thường Lao Động British Columbia. Dành mọi bản quyền. Ủy Ban Bồi Thường Lao Động B.C. khuyến khích sao chụp, in lại, và phân phối tài liệu này để phát huy sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc, miễn là có cảm tạ Ủy Ban Bồi Thường Lao Động B.C. Tuy nhiên không có phần nào của ấn phẩm này được phép sao chụp, in lại, hoặc phân phối để kiếm lợi hoặc cho mục đích thương mại khác, và cũng không được phép kết hợp bất cứ phần nào vào bất cứ ấn phẩm nào khác nếu không có giấy phép của Ủy Ban Bồi Thường Lao Động B.C.

Mục Lục

Cảm Tạ	v
Mở Đầu	1
1 WHMIS là gì?	3
Đại Cương về WHMIS	4
WHMIS được cập nhật	4
Luật lệ về WHMIS	6
Các yếu tố chính của WHMIS 2015	7
Những người tham gia WHMIS chính và trách nhiệm của họ	8
2 Phân loại các sản phẩm nguy hiểm	11
Các sản phẩm nguy hiểm được phân loại như thế nào	12
Nguy hiểm vật thể	12
Nguy hiểm sức khỏe	13
Những hạng nguy hiểm	13
Những loại nguy hiểm	16
Các sản phẩm không nằm trong WHMIS 2015	17
3 Biểu tượng	19
Về biểu tượng	20
Biểu tượng so với dấu hiệu nguy hiểm WHMIS 1988 như thế nào	22
Biểu tượng được dùng như thế nào với những hạng và loại nguy hiểm của WHMIS 2015	23
Những hạng và loại nguy hiểm không có biểu tượng	25
Tìm biểu tượng ở đâu	26
4 Nhãn	27
Về nhãn	28
Đại cương về những loại nhãn	28
Nhãn của hãng cung cấp	28
Dữ kiện phải có	28
Dạng	29
So sánh nhãn của hãng cung cấp: WHMIS 1988 đối với WHMIS 2015	30
Nhãn của nơi làm việc	32
Dạng	32
Khi cần có nhãn của nơi làm việc	32

Các phương tiện nhận dạng khác	35
Quý vị nên làm gì khi sử dụng một sản phẩm nguy hiểm	36
5 Tờ dữ kiện an toàn	37
Về tờ dữ kiện an toàn.	38
Dạng và dữ kiện phải có	40
Tại sao SDS có thể khó hiểu	42
Khi nào quý vị nên sử dụng SDS	42
Tựa đề MSDS so với tựa đề SDS	43
Tìm hiểu thêm dữ kiện ngoài một SDS	44
Dữ kiện bảo mật của thương nghiệp	44
6 Áp dụng WHMIS	45
Chương trình WHMIS	46
Trách nhiệm của hãng sở về một chương trình WHMIS	46
Giáo dục và huấn luyện.	47
Ai nên được giáo dục và huấn luyện?	47
Ai nên cung cấp dịch vụ giáo dục và huấn luyện?	47
Những đề tài hướng dẫn	48
Khi nào nên bắt đầu giáo dục và huấn luyện về WHMIS 2015.	48
Trách nhiệm của quý vị	48
7 Bài tập.	49
Bài tập xếp đúng biểu tượng	50
Bài tập về nhãn	51
Bài tập về SDS	52
8 Lời giải	53
Lời giải bài tập xếp đúng biểu tượng	54
Lời giải bài tập về nhãn	55
Lời giải bài tập về SDS	56
9 Phụ Lục	57
Những mục dữ kiện trên nhãn của hãng cung cấp	58

Cảm Tạ

WorkSafeBC xin cảm ơn Trung Tâm Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp Canada (CCOHS) đã cho phép sử dụng tài liệu giáo dục WHMIS của họ trong ấn phẩm này.

Mở Đầu

Tập sách này giải thích những điều cơ bản của Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm Tại Nơi Làm Việc (WHMIS) gồm những phần sau:

- WHMIS là gì? — quá trình dẫn đến WHMIS; những thay đổi quan trọng từ WHMIS 1988 sang WHMIS 2015; các yếu tố chính và người tham gia
- Phân loại — những nhóm, hạng và loại nguy hiểm; các sản phẩm không nằm trong WHMIS
- Biểu tượng — giới thiệu; biểu tượng so với dấu hiệu nguy hiểm WHMIS 1988; cách sử dụng các biểu tượng và tìm ở đâu
- Nhãn — nhãn của hãng cung cấp, nhãn của nơi làm việc và những cách nhận dạng khác
- Tờ dữ kiện an toàn (SDS) — sử dụng, nội dung, dạng và bí mật thương mại
- Áp dụng WHMIS — chương trình WHMIS; giáo dục và huấn luyện

Mục đích chung của WHMIS là giúp bảo đảm có một nơi làm việc an toàn hơn, khỏe mạnh hơn. Giáo dục WHMIS giúp quý vị hiểu cách hoạt động của WHMIS. Huấn luyện về WHMIS giúp quý vị thực hành kiến thức về cách làm việc an toàn với các sản phẩm cụ thể tại nơi làm việc của mình.

Khi quý vị đã được giáo dục và huấn luyện thành công về WHMIS, quý vị sẽ có thể trả lời bốn câu hỏi sau đây:



- Có những mối nguy hiểm nào liên quan đến các sản phẩm nguy hiểm? (Thí dụ: “Sản phẩm này có thể làm tôi bị thương bằng cách nào?”)
- Tôi tự bảo vệ lấy mình như thế nào? (Thí dụ: “Tôi nên mặc thiết bị bảo vệ cá nhân nào?”)
- Tôi nên làm gì trong trường hợp khẩn cấp? (Thí dụ: “Tôi phải làm gì nếu tôi làm đổ tháo vật liệu đó?”)
- Tôi có thể tìm thêm dữ kiện ở đâu?

Khi hiểu rõ dữ kiện trong tập sách này, quý vị sẽ biết tìm gì trong nhãn sản phẩm nguy hiểm, tìm ở đâu trong tờ dữ kiện an toàn, và thảo luận gì với nhân viên giám thị của mình.

Để giúp quý vị biết được mình đã học được bao nhiêu, có nhiều bài tập ở gần cuối tập sách này.

1 WHMIS là gì?

Đại Cương về WHMIS

WHMIS cung cấp cho quý vị dữ kiện sức khoẻ và an toàn về các sản phẩm nguy hiểm tại nơi làm việc của quý vị.

Tiếp xúc với các sản phẩm nguy hiểm có thể dẫn đến các vấn đề về sức khoẻ như xốn mắt, gây phản ứng da hoặc phổi, bệnh tim, hư thận và phổi, hoặc ung thư. Các sản phẩm nguy hiểm có thể làm cháy, nổ, hoặc các tai nạn khác khi lưu trữ hoặc vận dụng không đúng cách.

Theo WHMIS, quý vị có quyền nhận dữ kiện về mỗi sản phẩm nguy hiểm mà quý vị sử dụng, vận dụng, hoặc lưu trữ (thí dụ như tên sản phẩm, những mối nguy hiểm của sản phẩm đó, và các biện pháp đề phòng về an toàn quý vị cần phải áp dụng). Quý vị có thể sử dụng dữ kiện này để giúp bảo đảm cho mình về nhà an toàn và khỏe mạnh vào cuối mỗi ngày làm việc.

WHMIS có nghĩa là gì?

- **Nơi làm việc (Workplace)**
 - Chỉ áp dụng với các sản phẩm được sử dụng tại nơi làm việc
- **Vật Liệu Nguy Hiểm (Hazardous Materials)**
 - Các sản phẩm nguy hiểm có thể làm cháy, nổ, hoặc gây ra các vấn đề về sức khoẻ
- **Hệ Thống Thông Tin (Information System)**
 - Provides information about hazardous products



WHMIS được cập nhật

WHMIS lần đầu tiên có hiệu lực vào năm 1988 trên khắp Canada. Sau đó đã được cập nhật vào đầu năm 2015 để phản ánh một bộ quy luật mới được gọi là Hệ Thống Phân Loại và Ghi Nhãn Hóa Chất Hòa Đồng Toàn Cầu (GHS).

Do Liên Hiệp Quốc lập ra, GHS làm những việc sau:

- Định nghĩa và phân loại các mối nguy hiểm của sản phẩm hóa chất
- Cung cấp dữ kiện về sức khoẻ và an toàn trên nhãn và tờ dữ kiện an toàn, hay SDS (trước đây gọi là tờ dữ kiện an toàn vật liệu hay MSDS trong WHMIS nguyên thủy)

GHS là một hệ thống trên toàn thế giới. Mục tiêu của hệ thống này là để cả thế giới chấp nhận và sử dụng:

- Cùng một bộ quy tắc để phân loại các sản phẩm nguy hiểm
- Cùng dạng và nội dung cho nhãn và SDS

Hiện nay, nhiều quốc gia có các hệ thống khác nhau để phân loại và ghi nhãn các sản phẩm nguy hiểm. Thật ra, nhiều hệ thống khác nhau có thể được áp dụng ngay cả trong cùng một quốc gia. Tình trạng này gây lẫn lộn khó hiểu cho mọi người.

GHS đã không thay thế WHMIS. Thay vào đó, GHS đưa ra một số thay đổi quan trọng trong WHMIS. Điều này sẽ đưa đến nhiều lợi ích, chẳng hạn như:

- Cung cấp dữ kiện về mối nguy hiểm rõ ràng, đồng nhất
- Khuyến khích vận dụng và sử dụng an toàn các sản phẩm nguy hiểm
- Phát huy khả năng đáp ứng khẩn cấp hiệu quả hơn
- Giúp cho các công ty được dễ dàng và ít tốn kém hơn để tuân hành các quy luật
- Giúp vấn đề mậu dịch được dễ dàng hơn
- Giảm phí tổn áp dụng và thi hành quy chế kiểm soát

Để vấn đề được rõ ràng, WHMIS nguyên thủy nay được gọi là WHMIS 1988. Bản cập nhật được gọi là WHMIS 2015.

Những thay đổi chính từ WHMIS 1988 sang WHMIS 2015 gồm như sau:

- Từ ngữ “sản phẩm nguy hiểm” thay cho “sản phẩm được kiểm soát”.
- Các tiêu chuẩn phân loại nguy hiểm đầy đủ hơn. Việc này cải tiến khả năng cho thấy mức độ nghiêm trọng của mối nguy hiểm.
- Có thêm những hạng nguy hiểm mới (thí dụ: “Nguy hiểm về nghẹt thở”).
- Ngôn ngữ đã được tiêu chuẩn hóa (đồng nhất hơn).
- Nhãn của hãng cung cấp có một vài điều kiện mới (thí dụ, sử dụng những chữ báo hiệu cụ thể, những câu cho biết về mối nguy hiểm, biểu tượng, và những câu đề phòng).
- SDS có một dạng gồm 16 phần, và dữ kiện trong các phần này đã được tiêu chuẩn hóa.

Để các hãng cung cấp, hãng sở và công nhân có thời gian điều chỉnh cho thích nghi với WHMIS 2015, một giai đoạn chuyển tiếp ba năm đã được áp dụng. Trễ nhất là đến ngày 1 Tháng Chín, 2018, tất cả các hãng cung cấp sẽ phải tuân hành hệ thống cập nhật. Trễ nhất là đến ngày 1 Tháng Mười Hai, 2018, tất cả các hãng sở đều phải tuân hành hệ thống cập nhật. Một số hãng sở có thể chọn chuyển sang WHMIS 2015 trước ngày này. Các hãng sở khác có thể cần phải tuân hành cả hai hệ thống trong giai đoạn chuyển tiếp này.

Luật lệ về WHMIS

WHMIS được dựa trên một loạt luật lệ do các chính quyền liên bang, tỉnh bang và lãnh thổ thông qua.

Luật liên bang (*Đạo Luật về Các Sản Phẩm Nguy Hiểm* và Các Điều Lệ về Sản Phẩm Nguy Hiểm) quy định việc nhập cảng và bán các sản phẩm nguy hiểm. Bộ Y Tế Canada duyệt xét đơn xin giữ kín dữ kiện thương nghiệp (“bí mật thương mại”).

Luật tỉnh bang (thí dụ, *Đạo Luật Bồi Thường Lao Động* của B.C. và Các Điều Lệ về An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp) chi phối việc sử dụng các sản phẩm nguy hiểm tại nơi làm việc.

WHMIS ngắn gọn

- Một hệ thống toàn quốc được áp dụng ở cấp liên bang, tỉnh bang và lãnh thổ vào năm 1988; cập nhật vào năm 2015
- Nhìn nhận quyền lợi của tất cả những bên liên quan
 - Lao động (công nhân)
 - Chủ nhân (hãng sở)
 - Kỹ nghệ (các hãng cung cấp)
 - Chính quyền (cơ quan kiểm soát)
- Bốn yếu tố chính của WHMIS 2015
 - Phân loại
 - Nhãn
 - Tờ dữ kiện an toàn (SDS)
 - Giáo dục và huấn luyện công nhân

Các yếu tố chính của WHMIS 2015

- **Phân loại**

Các sản phẩm nguy hiểm được phân loại theo loại nguy hiểm của sản phẩm đó. WHMIS 2015 phân chia các sản phẩm nguy hiểm thành hai **nhóm nguy hiểm**: nguy hiểm vật thể và nguy hiểm sức khỏe. Cả hai nhóm nguy hiểm này được chia thêm thành **những hạng nguy hiểm**. Muốn biết thêm chi tiết, xem trang 12.

Sau khi phân loại một sản phẩm nguy hiểm, ba yếu tố WHMIS sau đây được sử dụng để cung cấp dữ kiện về sức khỏe và an toàn.

- **Nhãn WHMIS**

Nhãn trên các sản phẩm nguy hiểm lưu ý quý vị về tên gọi các loại sản phẩm, các mối nguy hiểm, và biện pháp đề phòng quý vị cần phải áp dụng. Dữ kiện về các mối nguy hiểm và biện pháp đề phòng ngừa đã được tiêu chuẩn hóa.

- **Tờ dữ kiện an toàn (SDS)**

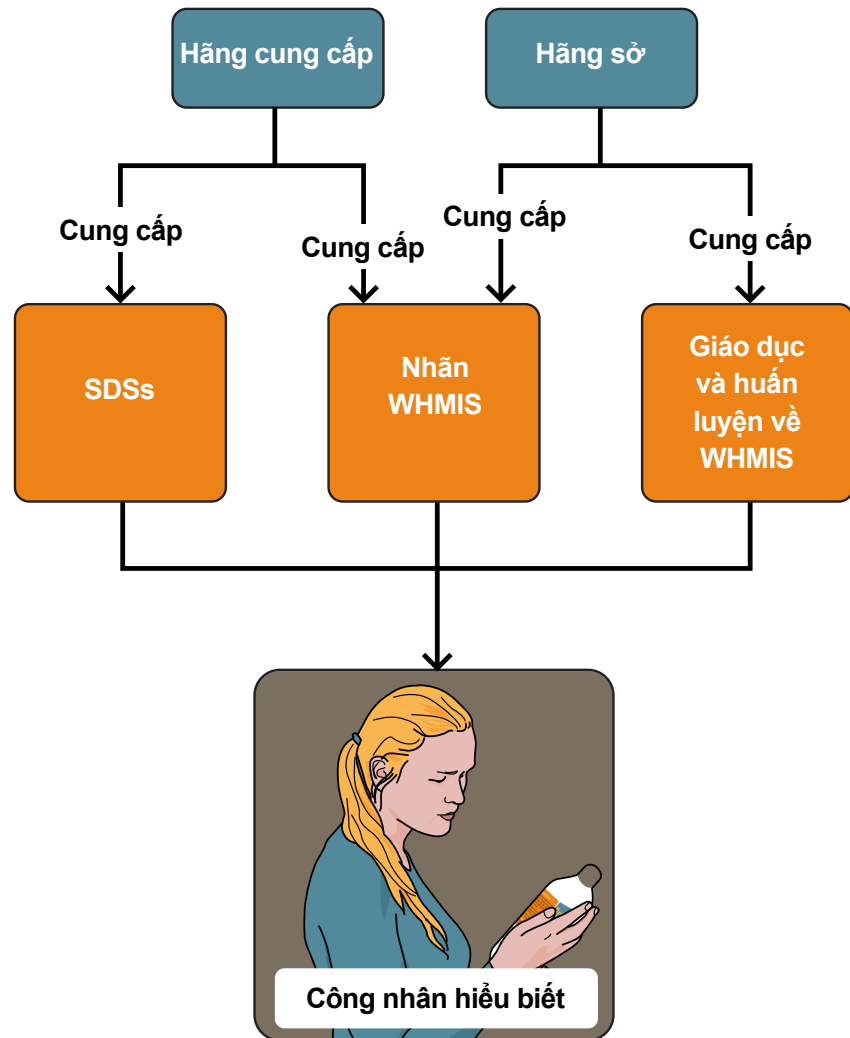
Những tờ này cung cấp chi tiết về các mối nguy hiểm và biện pháp đề phòng. Theo WHMIS 2015, các SDS có dạng gồm 16 phần. Dữ kiện phải có trong mỗi phần đã được tiêu chuẩn hóa.

- **Các chương trình giáo dục và huấn luyện về WHMIS**

Hãng sở của quý vị giáo dục và huấn luyện cho quý vị để quý vị có thể làm việc an toàn với hoặc ở gần các sản phẩm nguy hiểm. Là một công nhân, quý vị cần biết:

- WHMIS hoạt động như thế nào
- Các mối nguy hiểm của sản phẩm nguy hiểm tại nơi làm việc của quý vị
- Thể thức làm việc an toàn quý vị phải tuân theo

WHMIS hoạt động như thế nào?



Những người tham gia WHMIS chính và trách nhiệm của họ

Là **công nhân**, quý vị là một trong những người tham gia chính trong WHMIS, cùng với **hãng sở** và **hãng cung cấp**. (Các hãng cung cấp là các tổ chức hoặc cá nhân sản xuất, nhập cảng, bán, hoặc phân phối các sản phẩm nguy hiểm ở Canada.)

Tất cả ba nhóm — công nhân, hãng sở, và hãng cung cấp — có những trách nhiệm cụ thể, như được liệt kê trong bảng dưới đây. Vai trò và trách nhiệm của mỗi nhóm vẫn không thay đổi trong WHMIS 2015.

Bảng 1. Trách nhiệm của nhóm

Công nhân

- Tham dự các chương trình huấn luyện về WHMIS.
- Áp dụng những bước cần thiết để bảo vệ bản thân và đồng nghiệp.
- Tham gia vào việc nhận dạng và kiểm soát các mối nguy hiểm.

Hãng sở

- Giáo dục và huấn luyện công nhân về những mối nguy hiểm và cách sử dụng an toàn các sản phẩm nguy hiểm.
- Bảo đảm cho các sản phẩm nguy hiểm được gắn nhãn đúng cách.
- Chuẩn bị nhãn của nơi làm việc và SDS (nếu cần).
- Bảo đảm có các SDS mới nhất để cung cấp dễ dàng cho công nhân.
- Bảo đảm có các biện pháp kiểm soát hiệu quả để bảo vệ công nhân.

Hãng cung cấp

- Phân loại đúng các sản phẩm nguy hiểm.
- Nhận dạng hoặc chuẩn bị các nhãn và SDS mới nhất.
- Cung cấp các nhãn và SDS này cho người mua các sản phẩm nguy hiểm.

2 Phân loại các sản phẩm nguy hiểm

Các sản phẩm nguy hiểm được phân loại như thế nào

Có gì mới

- Các tiêu chuẩn phân loại mới
- Hai nhóm nguy hiểm (nguy hiểm vật thể, nguy hiểm sức khỏe)
- 19 hạng nguy hiểm vật thể
- 12 hạng nguy hiểm sức khỏe
- Những hạng nguy hiểm có “loại” phản ánh mức độ nguy hiểm

Cách phân loại các sản phẩm nguy hiểm đã thay đổi trong WHMIS 2015.

Các sản phẩm nguy hiểm nay được chia thành hai **nhóm nguy hiểm**:

- **Nguy hiểm vật thể**, dựa trên các tính chất vật thể hoặc hóa học của sản phẩm (thí dụ, các sản phẩm dễ bắt lửa, có phản ứng, hoặc ăn mòn kim loại)
- **Nguy hiểm sức khỏe**, dựa trên khả năng sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe, như:
 - Xón mắt
 - Gây phản ứng đường hô hấp (có thể gây dị ứng hoặc suyễn, hoặc khó thở)
 - Tính chất gây ung thư (có thể gây ra ung thư)

Hai nhóm nguy hiểm này được chia thêm thành **những hạng nguy hiểm**.

Dưới đây là một số hạng nguy hiểm trong mỗi nhóm nguy hiểm, tiếp theo là phần đại cương về những hạng này. Những hạng nguy hiểm là một cách xếp chung các sản phẩm có cùng tính chất với nhau.

Nguy hiểm vật thể

Nhóm nguy hiểm vật thể gồm những hạng nguy hiểm sau đây:

- Bụi có thể bắt cháy
- Ăn mòn kim loại
- Hơi xít dễ cháy
- Chất khí dễ cháy
- Chất lỏng dễ cháy
- Chất rắn dễ cháy
- Chất khí trong áp suất
- Peroxides hữu cơ
- Chất khí làm oxy hóa
- Chất lỏng làm oxy hóa
- Chất rắn làm oxy hóa
- Chất khí tự bốc cháy trong không khí
- Chất lỏng tự bốc cháy trong không khí
- Chất rắn tự bốc cháy trong không khí
- Các chất và hỗn hợp tự nóng
- Các chất và hỗn hợp tự phản ứng
- Các chất đơn giản làm nghẹt thở
- Các chất và hỗn hợp khi tiếp xúc với nước sẽ phát ra khí dễ cháy
- Những mối nguy hiểm vật thể không được phân loại theo cách nào khác

Ghi Chú

Chất nổ được phân loại là các mối nguy hiểm vật thể theo GHS. Và WHMIS có biểu tượng “quả bom phát nổ” vì một số sản phẩm nguy hiểm có thể phát nổ. Nhưng chất nổ không được gồm trong WHMIS 2015 vì có các đạo luật khác chi phối những loại này.

Ghi Chú

GHS gồm một nhóm nguy hiểm về môi trường. Nhóm này đã không có trong WHMIS 2015 vì không thuộc phạm vi của WHMIS (nghĩa là nơi làm việc). Tuy nhiên, quý vị có thể thấy những hạng môi trường được liệt kê trên nhãn và SDS, và việc này được phép theo WHMIS 2015.

Nguy hiểm sức khỏe

Nhóm nguy hiểm sức khỏe bao gồm những loại nguy hiểm sau:

- Độc tính cấp tính
- Nguy hiểm nghẹt thở
- Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm
- Tính chất gây ung thư
- Tính chất biến đổi di truyền nguyên bào
- Độc tính sinh dục
- Gây phản ứng đường hô hấp hoặc da
- Hư mắt nặng/xổn mắt
- Ăn mòn da/ngứa da
- Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể — tiếp xúc một lần
- Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể — tiếp xúc nhiều lần
- Những mối nguy hiểm sức khỏe không được phân loại theo cách nào khác

Những hạng nguy hiểm

Sản phẩm nguy hiểm là một sản phẩm thuộc một hoặc nhiều hạng nguy hiểm được miêu tả dưới đây. Các hãng cung cấp phân loại các sản phẩm này và chỉ định một hoặc nhiều biểu tượng. (Biểu tượng là các dấu hiệu có đường viền xung quanh; xem trang 20.)

Phần miêu tả ngắn gọn về mỗi hạng nguy hiểm được liệt kê ở những trang sau đây.

Bảng 2. Đại cương về những hạng nguy hiểm vật thể

Hạng nguy hiểm vật thể	Miêu tả tổng quát
Chất khí dễ cháy Hơi xịt dễ cháy Chất lỏng dễ cháy Chất rắn dễ cháy	Bốn hạng sản phẩm này có khả năng bốc cháy (bén lửa) dễ dàng. Những mối nguy hiểm chính là cháy hoặc phát nổ.
Chất khí làm oxy hóa Chất lỏng làm oxy hóa Chất rắn làm oxy hóa	Ba hạng này nói về những chất làm oxy hóa, mà có thể gây ra hoặc gia tăng cường độ cháy hoặc làm cháy hoặc phát nổ.
Chất khí trong áp suất	<p>Hạng này gồm các loại khí nén, khí ở dạng lỏng, khí hòa tan, và khí ở dạng lỏng ướp lạnh.</p> <p>Các loại khí nén, khí ở dạng lỏng, khí hòa tan nguy hiểm vì áp suất cao trong bình đựng. Bình đựng có thể phát nổ nếu nóng.</p> <p>Chất khí ở dạng lỏng ướp lạnh rất lạnh. Khí này có thể làm phỏng lạnh hoặc gây thương tích.</p>
Các chất và hỗn hợp tự nóng	Các sản phẩm này có thể tự phản ứng mà làm cháy hoặc phát nổ, hoặc có thể làm cháy hoặc phát nổ nếu nóng.
Chất khí dễ cháy Chất lỏng dễ cháy Chất rắn dễ cháy	Các sản phẩm này có thể bốc cháy rất nhanh (tự bốc cháy) nếu tiếp xúc với không khí.
Các chất và hỗn hợp tự nóng	Các sản phẩm này có thể bốc cháy nếu tiếp xúc với không khí. Các sản phẩm này khác các loại chất lỏng hoặc chất rắn dễ cháy ở chỗ loại này sẽ chỉ bốc cháy sau một thời gian lâu hơn và khi có nhiều.
Các chất và hỗn hợp khi tiếp xúc với nước sẽ phát ra chất khí dễ cháy	Như tên gọi cho thấy, các sản phẩm này phản ứng với nước để phát ra chất khí dễ cháy. Trong một số trường hợp, các loại khí dễ cháy này có thể bốc cháy rất nhanh (tự bốc cháy).
Peroxides hữu cơ	Các sản phẩm này không ổn định, có phản ứng cao độ, hay dễ phát nổ. Các sản phẩm này có thể làm cháy hoặc phát nổ nếu nóng.
Ăn mòn kim loại	Các sản phẩm này có thể ăn mòn kim loại (làm hư hại hoặc phá hủy về mặt hóa học) kim loại.
Bụi có thể bắt cháy	Hạng này được dùng để cảnh báo về các sản phẩm dưới dạng phân tử rắn rời rã li ti. Nếu bay trong không khí thì các phân tử này có thể bắt cháy hoặc nổ nếu gặp lửa.

Hạng nguy hiểm vật thể	Miêu tả tổng quát
Các chất đơn giản làm nghẹt thở	Các sản phẩm này là chất khí có thể chiếm chỗ (thay thế) dưỡng khí trong không khí và làm nghẹt thở nhanh chóng.
Những mối nguy hiểm sức khỏe không được phân loại theo cách nào khác	Hạng này bao gồm bất cứ mối nguy hiểm vật thể nào không thuộc bất cứ hạng nguy hiểm vật thể nào khác. Những mối nguy hiểm này gồm các phẩm ứng hóa học gây thương tích nặng hoặc làm chết người khi xảy ra phản ứng. Nếu một sản phẩm được phân loại vào hạng này, câu cho biết về mối nguy hiểm trên nhãn và SDS sẽ diễn tả bản chất nguy hiểm đó.

Bảng 3. Đại cương về những hạng nguy hiểm sức khỏe

Hạng nguy hiểm sức khỏe	Miêu tả tổng quát
Độc tính cấp tính	<p>Các sản phẩm này làm chết người, độc hại (độc), hoặc có hại nếu hít phải (hít vào), nếu tiếp xúc với da, hoặc nếu hấp thụ (nuốt).</p> <p>“Độc tính cấp tính” là để chỉ những tác động xảy ra như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiếp xúc với da hoặc nuốt phải: <ul style="list-style-type: none"> – Một liều duy nhất, hoặc – Nhiều liều trong vòng 24 giờ • Hít phải trong 4 giờ <p>Độc tính cấp tính có thể do tiếp xúc với sản phẩm gây ra. Đây cũng có thể là do một sản phẩm, khi tiếp xúc với nước, phát ra một loại khí có thể gây độc tính cấp tính.</p>
Ăn mòn da/ngứa da	Hạng này gồm các sản phẩm làm phỏng da nặng (ăn mòn) và sản phẩm làm ngứa da.
Hư mắt nặng/xốn mắt	Hạng này gồm các sản phẩm làm hư mắt nghiêm trọng (ăn mòn) và sản phẩm làm xốn mắt.
Gây phản ứng đường hô hấp hoặc da	Chất gây phản ứng đường hô hấp là một sản phẩm có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc suyễn hoặc làm khó thở nếu hít vào. Chất gây phản ứng da là một sản phẩm có thể gây ra các phản ứng ở da vì dị ứng.
Tính chất biến đổi di truyền nguyên bào	Hạng nguy hiểm này gồm các sản phẩm có thể gây ra hoặc nghi gây ra các khiếm khuyết di truyền. Khiếm khuyết di truyền là các thay đổi vĩnh viễn (biến đổi) ở tế bào cơ thể mà có thể truyền lại các thế hệ sau.
Tính chất gây ung thư	Hạng nguy hiểm này gồm các sản phẩm có thể gây ra hoặc nghi gây ra ung thư.

Hạng nguy hiểm sức khỏe	Miêu tả tổng quát
Độc tính sinh dục	Hạng này gồm các sản phẩm có thể làm hư hại hoặc nghi làm hư hại khả năng sinh sản (khả năng có con) hoặc phôi thai, thai nhi, hoặc con sinh ra. Ghi Chú: Cũng có một loại gồm các sản phẩm có thể tác hại đến trẻ em bú sữa mẹ.
Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể - tiếp xúc một lần	Hạng nguy hiểm này gồm các sản phẩm làm hư hại hoặc có thể làm hư hại các bộ phận cơ thể (thí dụ, gan, thận, hoặc máu) sau một lần tiếp xúc. Hạng này cũng gồm một loại sản phẩm gây phản ứng đường hô hấp, làm buồn ngủ, hoặc chóng mặt.
Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể - tiếp xúc nhiều lần	Hạng nguy hiểm này gồm các sản phẩm làm hư hại hoặc có thể làm hư hại các bộ phận cơ thể (thí dụ, gan, thận, hoặc máu) sau khi tiếp xúc lâu hoặc nhiều lần tiếp xúc.
Nguy hiểm nghẹt thở	Hạng nguy hiểm này là cho các sản phẩm có thể làm chết người nếu nuốt phải và xâm nhập khí quản.
Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm	Các vật liệu này là vi sinh vật (chẳng hạn như siêu vi khuẩn, vi trùng, hoặc nấm), nucleic acids (chẳng hạn như DNA hoặc RNA), hoặc các chất đạm gây ra hoặc có thể là nguyên nhân gây nhiễm trùng, có hoặc không có độc tính, ở người hoặc thú vật.
Những mối nguy hiểm sức khỏe không được phân loại theo cách nào khác	Hạng này gồm các sản phẩm không gồm trong bất cứ hạng nguy hiểm sức khỏe nào khác. Các mối nguy hiểm này xảy ra sau khi tiếp xúc cấp tính hoặc nhiều lần. Các sản phẩm này có ảnh hưởng tai hại đến sức khỏe của người tiếp xúc — kể cả bị thương hoặc thiệt mạng. Nếu một sản phẩm được xếp vào hạng này, câu cho biết về mối nguy hiểm sẽ diễn tả bản chất nguy hiểm.

Những loại nguy hiểm

Mỗi hạng nguy hiểm có ít nhất là một loại. Các loại nguy hiểm được chỉ định một số (1, 2, v.v.). Những loại này được chỉ định một mẫu tự theo vần mẫu tự theo thứ tự chữ cái (A, B, v.v.). Trong một vài trường hợp cũng có chia ra các loại phụ. Loại phụ được chỉ định một số và một mẫu tự (thí dụ, 1A và 1B).

Một số hạng nguy hiểm chỉ có một loại (thí dụ, “Ăn mòn kim loại”). Những hạng khác có thể có hai loại (thí dụ, “Tính chất gây ung thư” [ung thư]) hoặc ba loại (thí dụ, “Chất lỏng làm oxy hóa”). Có vài hạng nguy hiểm có năm loại trở lên (thí dụ: “Peroxiđes hữu cơ”).

Loại này cho quý vị biết sản phẩm nguy hiểm đến mức nào (nghĩa là mức độ nguy hiểm).

- Loại 1 luôn là mức nguy hiểm lớn nhất. (Nói cách khác, đây là mức nguy hiểm nhất trong hạng đó.) Nếu Loại 1 được chia thêm, Loại 1A trong cùng hạng nguy hiểm thì nguy hiểm hơn Loại 1B.
- Loại 2 trong cùng hạng nguy hiểm thì nguy hiểm hơn Loại 3, v.v.

Có một vài trường hợp ngoại lệ đối với luật này. Thí dụ, đối với hạng nguy hiểm “Chất khí trong áp suất”, các loại nguy hiểm là “Khí nén,” “Khí ở dạng lỏng,” “Khí ở dạng lỏng ướp lạnh” và “Khí hòa tan”. Những hạng này liên quan đến trạng thái vật thể của chất khí khi trữ cất trong bình. Những hạng này không miêu tả mức độ nguy hiểm.

Loại nguy hiểm	Cấp nguy hiểm
1	Nguy hiểm hơn ↕ Ít nguy hiểm hơn
2A	
2B	
3	

Ngoài ra, hạng nguy hiểm “Độc tính sinh dục” có một loại riêng rẽ được gọi là “Tác động đối với hoặc qua sữa.” “Tác động đối với hoặc qua sữa” không được chỉ định một loại có số. Độc tính sinh dục cũng có các loại 1 và 2, có liên quan đến các ảnh hưởng đối với khả năng sinh sản và/hoặc phôi thai, thai nhi, hoặc con sinh ra. “Tác động đối với hoặc qua sữa” được xem là một mối nguy hiểm khác nhưng có liên quan trong loại “Độc tính sinh dục.”

Các sản phẩm không nằm trong WHMIS 2015

Các loại sản phẩm dưới đây không nằm trong WHMIS 2015:

- Chất nổ
- Mỹ phẩm, khí cụ, thuốc và thực phẩm
- Các sản phẩm kiểm soát sâu bọ (thuốc trừ sâu)
- Các sản phẩm cho người tiêu thụ (thí dụ: sản phẩm chùi rửa, keo, và chất bôi trơn)
- Gỗ hoặc sản phẩm làm bằng gỗ
- Các chất nguyên tử (phóng xạ)
- Chất phế thải nguy hiểm
- Thuốc lá và các sản phẩm thuốc lá
- Các mặt hàng chế tạo

Nhiều sản phẩm này được chịu chi phối theo các luật khác, và có thể không cần có nhãn WHMIS và SDS. Nhưng nếu các sản phẩm này được sử dụng tại nơi làm việc của quý vị, hãng sở của quý vị vẫn phải giáo dục và huấn luyện cho quý vị về tác động của các sản phẩm này đối với sức khoẻ, cách sử dụng an toàn và lưu trữ.

Phần còn lại của tập sách này nói về các sản phẩm nguy hiểm cần có nhãn của WHMIS và SDS của hãng cung cấp (tức là các sản phẩm nằm trong WHMIS 2015).

3 Biểu tượng

VỀ BIỂU TƯỢNG

Có gì mới











- Biểu tượng cho thấy loại nguy hiểm thật nhanh chóng.
- Có 10 biểu tượng.
- Đa số biểu tượng có đường viền hình thoi màu đỏ.
- Biểu tượng được chỉ định cho những hạng hoặc loại nguy hiểm cụ thể.

Biểu tượng trưng là hình ảnh cho quý vị nhìn thấy ngay loại nguy hiểm của một sản phẩm nguy hiểm. Thí dụ, quý vị chỉ cần liếc qua là có thể thấy một sản phẩm là thuộc loại dễ cháy, hoặc có thể là một mối nguy hiểm cho sức khỏe hay không.

Hầu hết các biểu tượng đều có đường viền màu đỏ hình thoi. Bên trong đường viền này là dấu hiệu tiêu biểu cho mối nguy hiểm, chẳng hạn như lửa, nguy hiểm sức khỏe, ăn mòn, v.v. Cùng với nhau, dấu hiệu này và đường viền được gọi là một biểu tượng. Các biểu tượng được chỉ định cho những hạng hoặc loại nguy hiểm.

Bảng sau đây cho thấy các biểu tượng. Tên của mỗi biểu tượng được in đậm. Chữ trong ngoặc đơn là để miêu tả mối nguy hiểm.

Bảng 4. Giới thiệu các biểu tượng

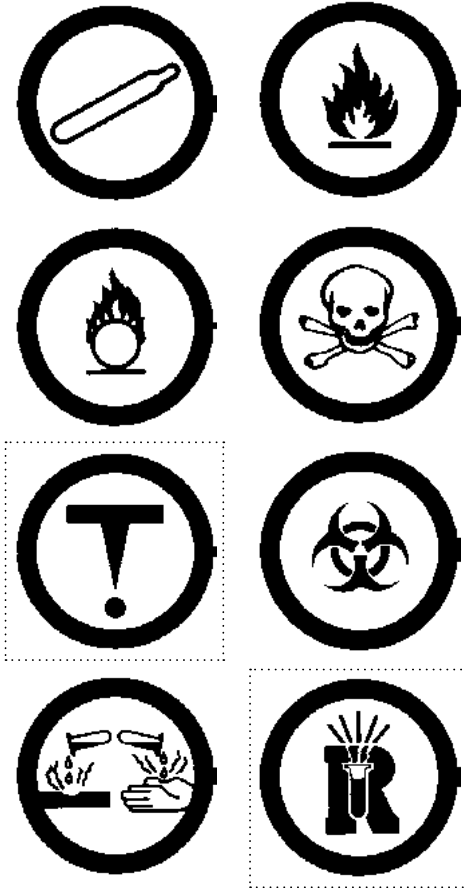
 <p>Quả bom phát nổ (cho các mối nguy hiểm phát nổ hoặc phản ứng)</p>	 <p>Ngọn lửa (cho các mối nguy hiểm dễ cháy)</p>	 <p>Ngọn lửa trên vòng tròn (cho các mối nguy hiểm làm oxy hóa)</p>
 <p>Bình khí (cho các loại khí trong áp suất)</p>	 <p>Ăn mòn (ăn mòn kim loại, cũng như da, mắt)</p>	 <p>Sợ người và hai ống xương bất chéo (có thể làm chết người hoặc nhiễm độc khi tiếp xúc chút ít ngắn hạn)</p>
 <p>Nguy hiểm sức khỏe (có thể gây ra hoặc nghi ngờ gây ra các ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe)</p>	 <p>Dấu chấm than (có thể gây ra các ảnh hưởng ít nghiêm trọng hơn đến sức khỏe hoặc làm hư hại tầng khí ozone)</p>	 <p>Môi trường* (có thể làm hư hại môi trường nước)</p>
 <p>Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm** (các vi sinh vật hoặc độc chất có thể gây ra bệnh ở người hoặc thú vật)</p>		

* Có một nhóm nguy hiểm môi trường trong GHS. Nhóm này (và các hạng trong nhóm) không được áp dụng vào WHMIS 2015. Tuy nhiên, quý vị có thể xem những hạng môi trường liệt kê trên nhãn và SDS. WHMIS 2015 cho phép liệt kê dữ kiện về các mối nguy hiểm cho môi trường.

** Hạng nguy hiểm “Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm” được gồm trong WHMIS 1988 nhưng không thuộc GHS. Hạng này đã được duy trì trong WHMIS 2015 để tiếp tục bảo vệ công nhân.

Biểu tượng so với dấu hiệu nguy hiểm WHMIS 1988 như thế nào

**Các dấu hiệu nguy hiểm
WHMIS 1988**



**Các biểu tượng
WHMIS 2015**



Nói chung, các biểu tượng (bên phải) tương tự như các dấu hiệu nguy hiểm WHMIS 1988 (bên trái). Nhiều biểu tượng bên trong các đường viền gần như giống nhau. Nhưng có một số dấu hiệu mới. (Xem các dấu hiệu trong biểu tượng “Nguy hiểm sức khỏe”, “Quả bom phát nổ”, “Môi trường,” và “Dấu chấm than”, có những đường kẻ đứt đoạn (phía trên bên phải). Và hai dấu hiệu đã không còn được sử dụng nữa. (Xem các dấu hiệu nguy hiểm “Vật liệu gây ra các ảnh hưởng độc khác” và “Vật liệu phản ứng nguy hiểm”, có những đường chấm phía trên bên trái). Trong tất cả mọi trường hợp trừ một (“Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm”), các đường viền biểu tượng có màu đỏ và hình thoi. Và hầu hết các biểu tượng được dùng cho nhiều hạng và loại nguy hiểm.

Muốn biết thêm chi tiết




Muốn biết thêm chi tiết về ý nghĩa các loại, hãy xem Phụ Lục 1 (Bảng Tóm Lược Phân Loại và Nhãn) của ấn phẩm Liên Hiệp Quốc có tên là *Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals (GHS): Fifth revised edition (Hệ Thống Phân Loại và Ghi Nhãn Hóa Chất Hòa Đồng Toàn Cầu (GHS: Ấn bản sửa chữa lần thứ năm))*.


unece.org/fileadmin/DAM/trans/danger/publi/ghs/ghs_rev05/English/05e_annex1.pdf

Biểu tượng được dùng như thế nào với những hạng và loại nguy hiểm của WHMIS 2015

Những bảng sau đây cho thấy biểu tượng tiêu biểu cho những hạng và loại nguy hiểm như thế nào.



Bảng 5. Biểu tượng tiêu biểu cho những hạng và loại nguy hiểm

Biểu tượng	Những hạng và loại nguy hiểm
	Biểu tượng ngọn lửa được dùng cho những hạng và loại sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Chất khí dễ cháy (Loại 1)• Hơi xịt dễ cháy (Loại 1 và 2)• Chất lỏng dễ cháy (Loại 1, 2 và 3)• Chất rắn dễ cháy (Loại 1 và 2)• Chất lỏng tự bốc cháy trong không khí (Loại 1)• Chất rắn tự bốc cháy trong không khí (Loại 1)• Chất khí tự bốc cháy trong không khí (Loại 1)• Các chất và hỗn hợp tự nóng (Loại 1 và 2)• Các chất và hỗn hợp khi tiếp xúc với nước sẽ phát ra khí dễ cháy (Loại 1, 2 và 3)• Các chất và hỗn hợp tự phản ứng (Loại B*, C, D, E, và F)• Peroxides hữu cơ (Loại B*, C, D, E, và F)
	Biểu tượng ngọn lửa trên vòng tròn được dùng cho những hạng và loại sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Chất khí làm oxy hóa (Loại 1)• Chất lỏng làm oxy hóa (Loại 1, 2, và 3)• Chất rắn làm oxy hóa (Loại 1, 2, và 3)
	Biểu tượng bình khí được dùng cho những hạng và loại sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Chất khí trong áp suất (Khí nén, Khí ở dạng lỏng, Khí ở dạng lỏng ướp lạnh và Khí hòa tan)

Biểu tượng	Những hạng và loại nguy hiểm
	<p>Biểu tượng ăn mòn được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ăn mòn kim loại (Loại 1) • Ăn mòn da / ngứa da — Ăn mòn da (Loại 1, 1A, 1B, và 1C) • Hư mắt nặng/xổn mắt — Hư mắt nặng (Loại 1)
	<p>Biểu tượng quả bom phát nổ được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chất và hỗn hợp tự phản ứng (Loại A và B*) • Peroxides hữu cơ (Loại A và B*)
	<p>Biểu tượng Sợ người và hai ống xương bất chéo được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Độc tính cấp tính: <ul style="list-style-type: none"> – Miệng (Loại 1, 2, và 3) – Da (Loại 1, 2, và 3) – Hít vào (Loại 1, 2, và 3)
	<p>Biểu tượng nguy hiểm sức khỏe được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Gây phản ứng đường hô hấp hoặc da — Gây phản ứng đường hô hấp (Loại 1, 1A và 1B) • Tính chất biến đổi di truyền nguyên bào (Loại 1, 1A, 1B, và 2) • Tính chất gây ung thư (Loại 1, 1A, 1B, và 2) • Độc tính sinh dục (Loại 1, 1A, 1B, và 2) • Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể — tiếp xúc một lần (Loại 1 và 2) • Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể — tiếp xúc nhiều lần (Loại 1 và 2) • Nguy hiểm nghẹt thở (Loại 1)

Ghi Chú

“Những mối nguy hiểm vật thể không được phân loại theo cách nào khác” và “Những mối nguy hiểm sức khỏe không được phân loại theo cách nào khác” phải có một biểu tượng GHS thích ứng với mối nguy hiểm được nhận định.

Biểu tượng	Những hạng và loại nguy hiểm
	<p>Biểu tượng dấu chấm than được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">• Độc tính cấp tính — Miệng, Da, Hít vào (Loại 4)• Ăn mòn da / ngứa da — Ăn mòn da (Loại 2)• Hư mắt nặng/xón mắt — Hư mắt nặng (Loại 2 và 2A)• Gây phản ứng đường hô hấp hoặc da — Gây phản ứng đường hô hấp (Loại 1, 1A và 1B)• Độc tính bộ phận mục tiêu cụ thể — tiếp xúc một lần (Loại 3)
	<p>Biểu tượng vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm được dùng cho những hạng và loại sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">• Vật liệu sinh học truyền nhiễm nguy hiểm (Loại 1)

* Các biểu tượng ngọn lửa và quả bom phát nổ đều được dùng cho “Các chất và hỗn hợp tự phản ứng” (Loại B) và “Peroxides hữu cơ” (Loại B).

Những hạng và loại nguy hiểm không có biểu tượng

Một số sản phẩm nguy hiểm không cần có biểu tượng. Nhưng nhãn sản phẩm và Phần 2 (Nhận dạng nguy hiểm) của SDS vẫn cần cho thấy chữ báo hiệu, (những) câu cho biết về mối nguy hiểm, và những phần khác bắt buộc phải có của nhãn.

Những hạng và loại nguy hiểm WHMIS 2015 sau đây không cần có biểu tượng:

- Chất khí dễ cháy — Loại 2
- Chất lỏng dễ cháy — Loại 4
- Các chất và hỗn hợp tự phản ứng — Loại G
- Peroxides hữu cơ — Loại G
- Bụi có thể bắt cháy — Loại 1
- Các chất đơn giản làm nghẹt thở — Loại 1
- Hư mắt nặng/xón mắt — Xón mắt nặng — Loại 2B)
- Độc tính sinh dục — Tác động đối với hoặc qua sữa

Tìm biểu tượng ở đâu

Trên nhãn của hãng cung cấp cho các sản phẩm nguy hiểm mà quý vị làm việc sẽ có biểu tượng. Các biểu tượng này cũng được dùng trên các SDS, dưới hình thức dấu hiệu hoặc những chữ miêu tả dấu hiệu đó. Muốn biết thêm chi tiết về nhãn, xem Chương 4, bắt đầu từ trang 28. Muốn biết thêm chi tiết về SDS, xem Chương 5, bắt đầu từ trang 38.

4 Nhãn

Về nhãn

Theo WHMIS 2015, các sản phẩm nguy hiểm được sử dụng, vận dụng, hoặc lưu trữ tại nơi làm việc phải được dán nhãn. Nhãn là cảnh cáo đầu tiên của quý vị về những mối nguy hiểm chính của các sản phẩm này. Nhãn cũng có ghi những biện pháp đề phòng cơ bản hoặc những bước an toàn quý vị nên áp dụng.

Đại cương về những loại nhãn

Có hai loại nhãn chính của WHMIS: nhãn của hãng cung cấp nhãn và nhãn của nơi làm việc. Các loại nhận dạng khác có thể được sử dụng khi thích hợp. Các thí dụ gồm các dấu hiệu cảnh cáo, màu sắc, và bảng dựng.

Nhãn WHMIS

- Tất cả các sản phẩm nguy hiểm WHMIS đều phải được dán nhãn.
- Có 2 loại nhãn WHMIS chính:
 - Nhãn của hãng cung cấp
 - Nhãn của nơi làm việc
- Các phương tiện nhận dạng khác (thí dụ: dấu hiệu cảnh cáo, màu sắc, hoặc bảng dựng).
- Nhãn báo cho quý vị biết về các mối nguy hiểm và hướng dẫn cách vận dụng an toàn.

Có gì mới

- Nhãn của hãng cung cấp nay phải có biểu tượng, chữ báo hiệu, và những câu tiêu chuẩn hóa cho biết về mối nguy hiểm và những câu đề phòng.
- Một biểu tượng, chữ báo hiệu và câu cho biết về mối nguy hiểm nay được dùng cho hầu hết những hạng và loại nguy hiểm.

Nhãn của hãng cung cấp

Nhãn của hãng cung cấp là nhãn do hãng cung cấp dùng cho mỗi sản phẩm nguy hiểm. Tất cả các sản phẩm nguy hiểm nhận được tại nơi làm việc ở Canada đều có nhãn của hãng cung cấp.

Hầu hết nhãn của hãng cung cấp ghi sáu loại dữ kiện. Trong những trường hợp hiểm hoi, nhãn của hãng cung cấp ghi bảy loại dữ kiện.

Dữ kiện trong văn bản phải bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp. Nhãn của hãng cung cấp có thể là song ngữ (trên một nhãn) hoặc lập thành hai nhãn (một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Pháp).

Các dữ kiện phải ghi

Nhãn WHMIS 2015 của hãng cung cấp phải ghi các dữ kiện sau đây:

- (1) **Tên sản phẩm** — tên hiệu, tên hóa chất, tên thông thường, tên chung, hoặc tên thương mại của sản phẩm nguy hiểm.
- (2) **Tên hãng cung cấp đầu tiên** — tên, địa chỉ và số điện thoại của hãng chế tạo Canada hoặc hãng nhập cảng.

- (3) **Biểu tượng** — dấu hiệu nguy hiểm thường nằm trong một đường viền màu đỏ, hình thoi.
- (4) **Chữ báo hiệu** — một trong hai chữ dùng để cảnh cáo quý vị về mối nguy hiểm có thể xảy ra và để chỉ mức độ nghiêm trọng của mối nguy hiểm đó. (“Danger” (Nguy Hiểm) được sử dụng cho các mối nguy hiểm có nhiều rủi ro, trong khi “Warning” (Cảnh Cáo) được sử dụng cho những mối nguy hiểm nhẹ hơn.)
- (5) **(Những) câu cho biết về mối nguy hiểm** — một hoặc nhiều nhóm chữ tiêu chuẩn hóa để miêu tả (những) mối nguy hiểm của sản phẩm nguy hiểm đó, cũng như về mức độ nặng nhẹ. (Thí dụ: “Chất khí rất dễ cháy,” “Làm chết người nếu hít phải,” và “Có thể gây ra ung thư.”)
- (6) **(Những) câu đề phòng** — một hoặc nhiều nhóm chữ tiêu chuẩn hóa để miêu tả cách giảm bớt hoặc ngăn ngừa các hậu quả tai hại từ những tình trạng sau đây:
- Tiếp xúc với một sản phẩm nguy hiểm, hoặc
 - Vận dụng hoặc lưu trữ không đúng cách một sản phẩm nguy hiểm (Các thí dụ gồm “Đậy chặt nắp bình chứa,” “Đeo kính bảo vệ mắt,” và “Nếu tiếp xúc hoặc lo ngại: Nhờ chăm sóc y tế.”)

Trong một vài trường hợp hiếm hoi, nhãn của hãng cung cấp cũng có thể gồm cả **dữ kiện bổ túc trên nhãn**. Dữ kiện này cho quý vị biết thêm chi tiết về những việc sau:

- Các hành động đề phòng
- Mối nguy hiểm này chưa được liệt kê trong GHS
- Trạng thái vật thể (khí, lỏng, rắn, v.v.)
- Đường tiếp xúc (hít phải, nuốt, qua da, v.v.)

Dữ kiện bổ túc trên nhãn chỉ được ghi vào nhãn của hãng cung cấp trong các trường hợp sau đây:

- Một hỗn hợp độc hại có một nguyên liệu có độc tính cấp tính chưa biết, hoặc
- Một sản phẩm phản ứng với nước để tạo ra một loại khí độc cấp tính

Dạng

Không có dạng định sẵn cho của hãng cung cấp, nhưng (các) biểu tượng, chữ báo hiệu, và (những) câu cho biết về nguy hiểm phải được kết hợp chung với nhau.


Nhãn của hãng cung cấp phải như sau:

- Hiện rõ ràng nổi bật trên thùng đựng
- Dễ đọc (tức là quý vị có thể nhìn thấy dễ dàng mà không phải sử dụng bất cứ món nào khác trừ kính điều chỉnh mắt)
- Nổi bật so với các dữ kiện khác trên sản phẩm hoặc thùng đựng
- Song ngữ (là một hoặc hai nhãn)

Nếu nhãn của hãng cung cấp bị hư hại, không thể đọc được, hoặc vô tình bị tháo gỡ, hãng sở của quý vị phải thay nhãn đó bằng nhãn của hãng cung cấp hoặc nhãn của nơi làm việc.

Nhãn mẫu của hãng cung cấp

Một thí dụ về nhãn song ngữ của hãng cung cấp sau đây.

	Product W-1 / Produit W-1	Tên sản phẩm
Biểu tượng		
Chữ báo hiệu	Danger	
Câu cho biết về mối nguy hiểm	Fatal if swallowed. Causes skin irritation.	Danger Mortel en cas d'ingestion. Provoque une irritation cutanée.
Câu đề phòng	Precautions: Wear protective gloves. Wash hands thoroughly after handling. Do not eat, drink or smoke when using this product. Store locked up. Dispose of contents/containers in accordance with local regulations. IF ON SKIN: Wash with plenty of water. If skin irritation occurs: Get medical advice or attention. Take off contaminated clothing and wash it before reuse. IF SWALLOWED: Immediately call a POISON CENTRE or doctor. Rinse mouth.	Conseils : Porter des gants de protection. Se laver les mains soigneusement après manipulation. Ne pas manger, boire ou fumer en manipulant ce produit. Garder sous clef. Éliminer le contenu/récipient conformément aux règlements locaux en vigueur. EN CAS DE CONTACT AVEC LA PEAU : Laver abondamment à l'eau. En cas d'irritation cutanée : Demander un avis médical/consulter un médecin. Enlever les vêtements contaminés et les laver avant réutilisation. EN CAS D'INGESTION : Appeler immédiatement un CENTRE ANTIPOISON ou un médecin. Rincer la bouche.
Tên hãng cung cấp đầu tiên	ABC Chemical Co., 123 rue Anywhere St., Mytown, ON NON ONO (123) 456-7890	

So sánh nhãn của hãng cung cấp: WHMIS 1988 đối với WHMIS 2015

Hai nhãn mẫu của hãng cung cấp được trình bày ở trang kế để quý vị có thể so sánh giữa hai nhãn: WHMIS 1988 (trên) và WHMIS 2015 (dưới).

So sánh nhãn của hãng cung cấp

WHMIS 1988

ACETONE ACÉTONE

SEE MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR THIS PRODUCT
VOIR LA FICHE SIGNALÉTIQUE POUR CE PRODUIT

<p>HAZARD! EXTREMELY FLAMMABLE. IRRITATES EYES.</p> <p>PRECAUTIONS: Keep away from heat, sparks, and flames. Ground containers when pouring. Avoid breathing vapours or mists. Avoid eye contact. Avoid prolonged or repeated contact with skin. Wear splash-proof safety goggles or faceshield and butyl rubber gloves. If acetone is present in concentrations greater than 250 ppm, wear a NIOSH-approved respirator with an organic vapour cartridge. Use with adequate ventilation, especially in enclosed areas. Store in a cool, well-ventilated area, away from incompatibles.</p> <p>FIRST AID: In case of contact with eyes, immediately flush eyes with lots of running water for 15 minutes, lifting the upper and lower eyelids occasionally. Get medical attention immediately. In case of contact with skin, immediately wash skin with lots of soap and water. Remove contaminated clothing and shoes. Get medical attention if irritation persists after washing. Wash clothing before reuse. If inhaled, remove subject to fresh air. Give artificial respiration if not breathing. Get medical attention immediately. If swallowed, contact the Poison Control Centre. Get medical attention immediately. Do not give anything by mouth to an unconscious or convulsing person.</p> <p>ATTENTION! THIS CONTAINER IS HAZARDOUS WHEN EMPTY. ALL LABELLED HAZARD PRECAUTIONS MUST BE OBSERVED.</p>	<p>HAZARD! EXTRÊMEMENT INFLAMMABLE. IRRITE LES YEUX.</p> <p>MESURES DE PRÉVENTION: Tenir à l'écart de la chaleur, des étincelles et des flammes. Replier les récipients à la terre lors du transvasement. Éviter de respirer les vapeurs ou les brumes. Éviter le contact avec les yeux. Éviter le contact prolongé ou répété avec la peau. Porter des lunettes contre les éclaboussures de produit chimique ou une visière de protection, et des gants en caoutchouc butyle. Si l'acétone est présent en concentration de plus de 250 pour un million, porter un respirateur muni d'une cartouche à vapeur organique approuvé par NIOSH. Utiliser avec suffisamment de ventilation surtout dans les endroits clos. Entreposer dans un endroit frais, bien aéré, à l'écart des produits incompatibles.</p> <p>PREMIERS SOINS: En cas de contact avec les yeux, rincer immédiatement et copieusement avec de l'eau courante pendant 15 minutes en soulevant les paupières inférieures et supérieures de temps en temps. Obtenir des soins médicaux immédiatement. En cas de contact avec la peau, laver immédiatement la région affectée avec beaucoup d'eau et de savon. Retirer les vêtements et les chaussures contaminées. Si l'irritation persiste après le lavage, obtenir des soins médicaux. Laver les vêtements avant de les réutiliser. En cas d'inhalation, transporter la victime à l'air frais. En cas d'arrêt respiratoire, pratiquer la respiration artificielle. Obtenir des soins médicaux immédiatement. En cas d'ingestion, contacter le Centre de Contrôle des Empoisonnements. Obtenir des soins médicaux immédiatement. Ne rien faire avaler à une victime inconsciente ou en convulsions.</p> <p>ATTENTION! CE RÉCIPIENT EST DANGEREUX LORSQU'IL EST VIDE. CHAQUE INDICATION DE DANGER SUR LES ÉTIQUETTES DOIVENT ÊTRE OBSERVÉES.</p>
--	---

BIG Chemical Company / 123 Nitro Avenue, Vapour Town, BC 123-4567

WHMIS 2015

ACETONE / ACÉTONE

<p>Danger</p> <p>Highly flammable liquid and vapour. Causes serious eye irritation. May cause drowsiness or dizziness.</p> <p>Precautions: Keep away from heat, hot surfaces, sparks, open flames and other ignition sources. No smoking. Keep container tightly closed and store in a well-ventilated place. Keep cool. Take action to prevent static discharges. Ground and bond container and receiving equipment. Use only outdoors or in a well-ventilated area. Wear eye protection, face protection, protective clothing, and protective gloves. Avoid breathing mist, spray, vapours. IF INHALED: Remove person to fresh air and keep comfortable for breathing. IF IN EYES: Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do so. Continue rinsing. IF ON SKIN (or hair): Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water or shower.</p>	<p>Danger</p> <p>Liquide et vapeurs très inflammables. Provoque une sévère irritation des yeux. Peut provoquer somnolence ou des vertiges.</p> <p>Conseils: Tenir loin de la chaleur, des surfaces chaudes, des étincelles, des flammes nues et d'autres sources d'inflammation. Défense de fumer. Maintenir le récipient fermé de manière étanche. Stocker dans un endroit bien ventilé. Tenir au frais. Prendre des mesures contre les décharges électrostatiques. Mise à la terre et liaison équipotentielle du récipient et du matériel de réception. Utiliser seulement en plein air ou dans un endroit bien ventilé. Porter des gants de protection et des vêtements de protection. Porter un équipement de protection des yeux et du visage. Éviter de respirer les brouillards, les aérosols, ou les vapeurs. EN CAS D'INHALATION: Transporter la victime à l'extérieur et la maintenir au repos dans une position où elle peut confortablement respirer. EN CAS DE CONTACT AVEC LES YEUX: Rincer avec précaution à l'eau pendant plusieurs minutes. Enlever les lentilles de contact si la victime en porte et si elles peuvent être facilement enlevées. Continuer à rincer. EN CAS DE CONTACT AVEC LA PEAU (ou les cheveux): Retirer immédiatement tous les vêtements contaminés. Rincer la peau avec de l'eau ou doucher.</p>
--	--

Rappter Chemicals Ltd., 1234 Jurassic Court, Moose Jaw, SK, S6H 3J8, (123) 456-7890

Nhãn của nơi làm việc

Nhãn của nơi làm việc cung cấp cho quý vị các dữ kiện sau đây về một sản phẩm nguy hiểm:

- Nhận dạng (tên) sản phẩm
- Dữ kiện về cách vận dụng an toàn
- Tham chiếu SDS

Nhãn của nơi làm việc có thể gồm cả biểu tượng hoặc các dữ kiện khác từ nhãn của hãng cung cấp.

Dạng

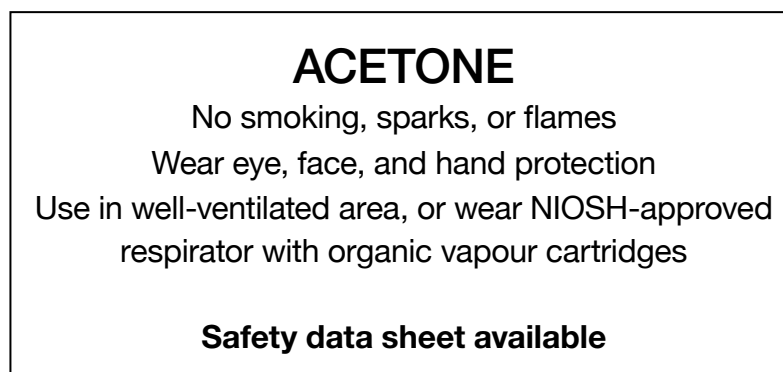
Nhãn của nơi làm việc có thể linh động sử dụng nhiều dạng khác nhau.

Thí dụ:

- Dữ kiện có thể được viết thẳng lên thùng đựng bằng bút mực bền.
- Có thể chọn cách dùng chữ và (các) ngôn ngữ thích hợp cho nơi làm việc của quý vị.

Nhãn mẫu của nơi làm việc

Dưới đây là thí dụ về một nhãn của nơi làm việc:



Khi nào cần nhãn của nơi làm việc

Cần có **nhãn của nơi làm việc** trong những trường hợp sau đây:

- Sản xuất (làm) và sử dụng một sản phẩm nguy hiểm tại nơi làm việc của quý vị
- San (chuyển hoặc rót) một sản phẩm nguy hiểm vào một bình đựng khác
- Mất hoặc không đọc được nhãn của hãng cung cấp

Nói chung, hãng sở của quý vị có trách nhiệm cung cấp nhãn của nơi làm việc. Hãng sở của quý vị cũng phải bảo đảm tất cả các nhãn tại nơi làm việc của quý vị phải có thể đọc được, và phải thay mới nếu bị hư hại.

Ghi Chú

Hãng sở của quý vị có thể có các quy luật về việc làm nhãn vượt hơn quy định theo WHMIS.

Các trường hợp ngoại lệ đối với các sản phẩm được san vào bình đựng khác

Không cần nhãn của nơi làm việc trong hai trường hợp cụ thể.

Trường hợp thứ nhất là khi một sản phẩm nguy hiểm được san từ một thùng đựng đã có nhãn của hãng cung cấp hoặc nhãn của nơi làm việc trên đó vào một bình đựng khác và:

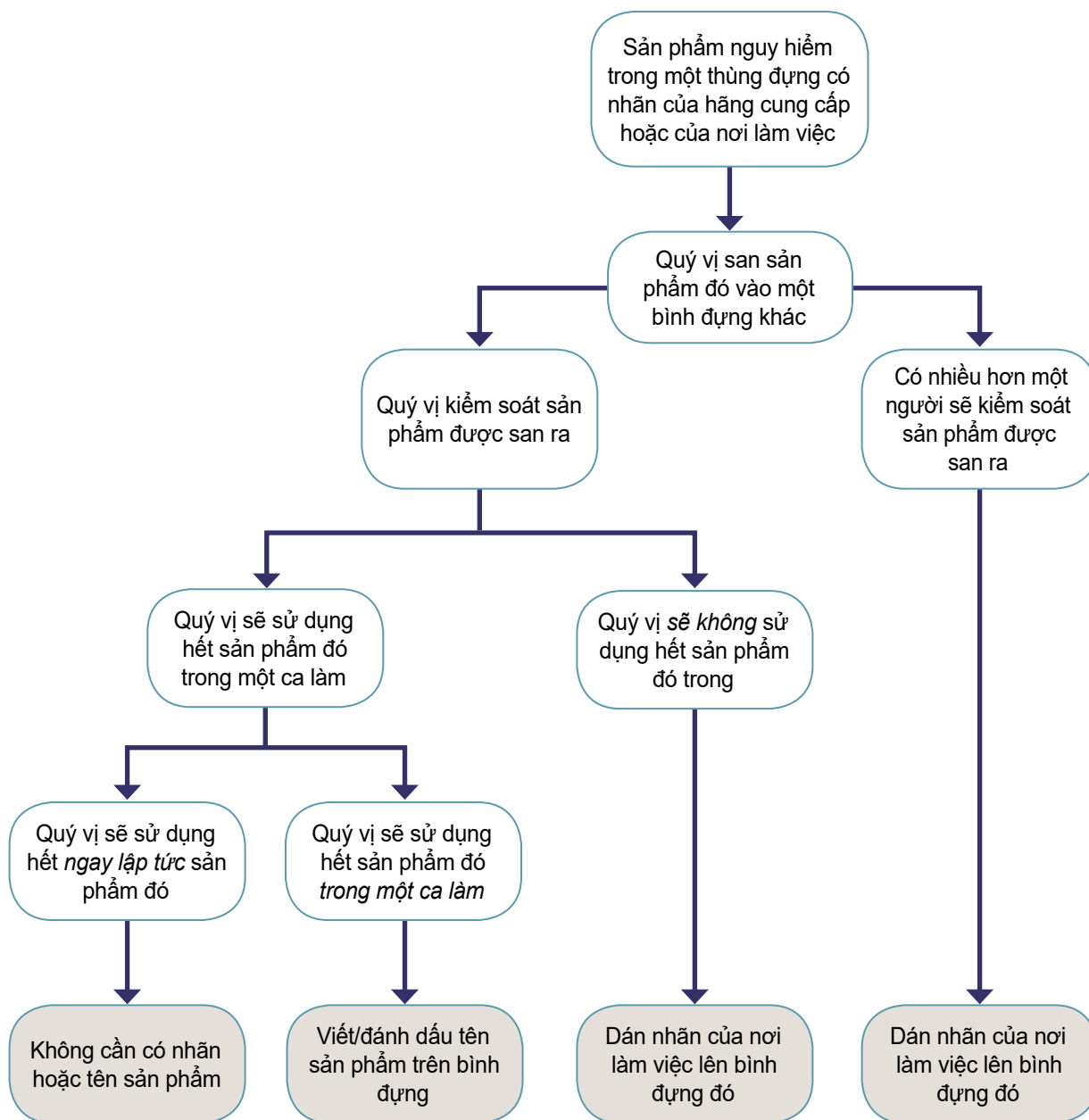
- Sản phẩm được san ra đó thuộc quyền kiểm soát của người san, và
- Tên sản phẩm (danh tính sản phẩm) được ghi trên bình đựng, và
- Sẽ sử dụng tất cả các sản phẩm được san ra trong cùng ca làm đó

Thí dụ, nếu quý vị san một sản phẩm nguy hiểm vào một bình đựng (chẳng hạn như lọ, chai, hoặc xô), quý vị viết tên sản phẩm đó trên bình đựng đó, quý vị sẽ là người duy nhất sẽ sử dụng sản phẩm được san ra này, và quý vị sẽ sử dụng hết sản phẩm đó trong cùng ca làm, thì quý vị không cần dán nhãn của nơi làm việc.

Trường hợp thứ hai là khi quý vị sử dụng toàn bộ **và** ngay lập tức sản phẩm được san ra. Trong trường hợp này, quý vị không cần dán nhãn của nơi làm việc hoặc viết tên sản phẩm đó lên bình đựng.

Biểu đồ sau đây sẽ hướng dẫn quý vị qua tiến trình quyết định.

Tiến trình quyết định về việc làm nhãn cho các sản phẩm được san ra



Các phương tiện nhận dạng khác

Trong một số trường hợp, nhãn WHMIS cũng có thể là một dấu, dấu hiệu, dấu đóng, nhãn dán, ấn, giấy, thẻ, hoặc bao. Những dấu này có thể được gắn vào, in, kẻ, hoặc đóng nổi trên sản phẩm nguy hiểm hoặc thùng đựng. Nếu những hệ thống khác này được sử dụng tại nơi làm việc của quý vị, hãng sở của quý vị phải bảo đảm là quý vị được huấn luyện để nhận biết các hệ thống này.

Thí dụ về những trường hợp có thể sử dụng các hệ thống khác, và có thể có một số trường hợp ngoại lệ, gồm:

- **Giao lô hàng lớn** — Các sản phẩm bán nhiều không đóng gói được miễn có nhãn.
- **Bình đựng nhỏ, 100 mL trở xuống** — Không cần có những câu đề phòng hoặc cho biết về mối nguy hiểm trên nhãn.
- **Hộp đựng nhỏ, 3 mL trở xuống** — Nhãn phải bền và dễ đọc, nhưng có thể tháo rời để dễ sử dụng.
- **Các hệ thống đường ống dẫn và chỗ chứa** — Được phép dùng nhãn, bảng, màu sắc, v.v.
- **Các mẫu phòng thí nghiệm** — Được phép sửa đổi nhãn của hãng cung cấp.



Các sản phẩm trong đường ống dẫn, nhận dạng bằng màu sắc và mẫu tự

Quý vị nên làm gì khi sử dụng một sản phẩm nguy hiểm

Là một công nhân sử dụng sản phẩm nguy hiểm, quý vị nên làm những việc sau:

- Luôn nhìn xem có nhãn trên sản phẩm hay không trước khi quý vị sử dụng.
- Đọc, hiểu, và làm theo hướng dẫn trên nhãn và SDS. Và áp dụng đúng những gì quý vị được hãng sở của mình giáo dục, hướng dẫn và huấn luyện.
- Hỏi nhân viên giám thị của quý vị nếu quý vị không biết chắc về cách sử dụng hoặc lưu trữ sản phẩm đó.
- Yêu cầu cung cấp một nhãn mới khi quý vị không thể nhìn thấy hoặc đọc được nhãn cũ.
- Đừng sử dụng một sản phẩm không có nhãn hoặc nếu không đọc được nhãn. Hãy nhờ nhân viên giám thị giúp (thí dụ như thay nhãn mới).

5 Tờ dữ kiện an toàn

VỀ TỜ DỮ KIỆN AN TOÀN

Có gì mới

- SDS thay thế MSDS.
- Dạng tiêu chuẩn 16 phần.
- Các điều kiện về dữ kiện mới (chẳng hạn như phân loại, những câu cho biết về mối nguy hiểm, và các yếu tố khác về nhãn trong Phần 2).
- SDS phải chính xác vào lúc bán hoặc nhập cảng, cho mỗi lần bán hoặc nhập cảng.
- Phải cập nhật SDS khi có dữ kiện mới quan trọng.

Tờ dữ kiện an toàn (SDS) là tài liệu cung cấp dữ kiện về các sản phẩm nguy hiểm và đưa ra khuyến cáo về các biện pháp đề phòng.

SDS cho quý vị biết:

- Các mối nguy hiểm của một sản phẩm
- Cách sử dụng an toàn sản phẩm
- Chuyện gì sẽ xảy ra nếu quý vị không nghe lời khuyến cáo
- Cách nhận biết các triệu chứng tiếp xúc
- Phải làm gì nếu cần cấp cứu

SDS cung cấp nhiều dữ kiện về các sản phẩm hơn nhãn. SDS là nguồn dữ kiện quan trọng để giúp quý vị tìm hiểu thêm về các sản phẩm mình sử dụng. hãy dùng các dữ kiện này để tìm hiểu những điều sau đây:

- Các mối nguy hiểm của các sản phẩm quý vị sử dụng
- Cách tự bảo vệ đối với các mối nguy hiểm này
- Thể thức vận dụng an toàn và cấp cứu

Hãng cung cấp sản phẩm thường có hoặc soạn các SDS. Trong một số trường hợp, hãng sở có thể cần phải soạn SDS (thí dụ, khi sản phẩm đó chỉ được sản xuất và sử dụng tại nơi làm việc đó).

Nói chung, hãng sở của quý vị cần chắc chắn là không có SDS nào cũ hơn ba năm. Tuy nhiên, có một vài trường hợp ngoại lệ đối với quy luật này. Thí dụ, nếu không có SDS mới nhất, hãng sở của quý vị có thể cần có thư xác nhận của hãng cung cấp là SDS không có gì thay đổi.

Theo WHMIS 2015, mỗi sản phẩm nguy hiểm được sử dụng, vận dụng, hoặc lưu trữ tại một nơi làm việc đều phải có một SDS.

Các công dụng của một SDS

- Một nguồn cung cấp dữ kiện chi tiết về các mối nguy hiểm của một sản phẩm nguy hiểm
- Một nguồn quan trọng để phát triển các thể thức làm việc an toàn và biện pháp kiểm soát
- Một phần chính trong việc giáo dục và huấn luyện công nhân

Các quy luật lập một SDS

- 16 phần.
- Phải tiết lộ các nguyên liệu nguy hiểm cụ thể. (không được phép có “bí mật thương mại” trừ phi đã có đơn cầu chứng.)
- Bất cứ chữ viết tắt nào sử dụng cũng phải được định nghĩa rõ.
- Dữ kiện phải cụ thể.
- Phải điền tất cả những phần bắt buộc.
- Không có dữ kiện mâu thuẫn.
- SDS phải được cập nhật trong vòng 90 ngày sau khi có dữ kiện mới quan trọng.

Dạng và dữ kiện phải có

WHMIS 2015 đòi hỏi phải có một SDS tiêu chuẩn gồm 16 phần. Tất cả dữ kiện trên SDS phải được trình bày theo thứ tự dưới đây.

Bảng dưới đây trình bày đại cương về dữ kiện cung cấp trong mỗi phần.

Bảng 6. Đại cương về dữ kiện phải có trong mỗi phần của SDS

Phần và tựa mỗi phần của SDS		Các điều kiện về dữ kiện phải có (danh sách một phần)
1	Nhận dạng	<ul style="list-style-type: none"> Tên sản phẩm Loại sử dụng được đề nghị và các hạn chế sử dụng Chi tiết liên lạc với hãng cung cấp Số điện thoại khẩn cấp
2	Nhận dạng nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> Phân loại (hạng và loại nguy hiểm) Các yếu tố của nhãn (gồm cả biểu tượng, chữ báo hiệu, những câu cho biết về mối nguy hiểm, và những câu đề phòng) Các mối nguy hiểm khác (thí dụ, các mối nguy hiểm liên quan đến hơi nóng)
3	Thành phần/dữ kiện về nguyên liệu	<p>Đối với một sản phẩm nguy hiểm nào là một chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tên hóa học và những tên đồng nghĩa Số Dịch Vụ Chỉ Số Tài Liệu Hóa Học (Số CAS) Tên hóa học của các tạp chất, chất dung môi ổn định, và chất phụ ổn định, khi cần thiết <p>Đối với một sản phẩm nguy hiểm nào là một hỗn hợp: tên hóa học, tên đồng nghĩa, số CAS, và nồng độ của các nguyên liệu gây nguy hiểm sức khỏe</p> <p>Ghi Chú: Có thể áp dụng các quy luật về dữ kiện thương mại giữ kín (CBI)</p>
4	Các biện pháp cứu thương	Thế thức cứu thương khi tiếp xúc (hít vào, tiếp xúc với da, v.v.), cũng như các triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng nhất
5	Các biện pháp cứu hỏa	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện dập tắt lửa thích hợp và không thích hợp (những loại bình cứu hỏa, chẳng hạn như nước, bột biển hóa chất, khí carbon dioxide, v.v.) Các mối nguy hiểm cụ thể Thiết bị đặc biệt và các biện pháp đề phòng cho nhân viên cứu hỏa
6	Các biện pháp khi có tai nạn rò rỉ hoặc đổ tháo	<ul style="list-style-type: none"> Thiết bị bảo vệ Thế thức cấp cứu Các phương pháp và vật liệu ngăn chặn và chùi rửa
7	Vận dụng và lưu trữ	Các biện pháp đề phòng để vận dụng an toàn, các điều kiện lưu trữ, kể cả bất cứ trường hợp nào không thích hợp

Phần và tựa mỗi phần của SDS		Các điều kiện về dữ kiện phải có (danh sách một phần)
8	Kiểm soát tiếp xúc / bảo vệ cá nhân	Giới hạn tiếp xúc, kiểm soát kỹ thuật, và thiết bị bảo vệ cá nhân
9	Tính chất vật thể và hóa học	<ul style="list-style-type: none"> Hình dạng Mùi Mốc về mùi pH Độ chảy/đông đặc Độ và phạm vi sôi Độ bất lửa Các mức giới hạn trên và dưới về độ bắt cháy hoặc nổ
10	Ổn định và phản ứng	<ul style="list-style-type: none"> Phản ứng Ổn định hóa chất Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra Các điều kiện cần tránh Vật liệu không tương hợp Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm
11	Dữ kiện độc tính	<p>Miêu tả các ảnh hưởng độc khác nhau bằng lối xâm nhập, gồm cả:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng khi tiếp xúc cấp tính (ngắn hạn) hoặc kinh niên (dài hạn) Tính chất gây ung thư Các ảnh hưởng sinh dục Phản ứng hô hấp
12	Dữ kiện sinh thái*	<ul style="list-style-type: none"> Độc tính dưới nước và trên mặt đất (nếu có) Bền bỉ và khả năng tan rã Tiềm năng tích tụ sinh học Di chuyển trong đất
13	Những cách phế thải*	Vận dụng an toàn và các phương pháp phế thải, kể cả bao gói bị ô nhiễm
14	Dữ kiện chuyên chở*	Số và tên gửi hàng đúng cách, những hạng nguy hiểm, nhóm đóng bao UN
15	Dữ kiện quy chế kiểm soát*	Các quy chế kiểm soát an toàn, sức khỏe, và môi trường cho sản phẩm đó
16	Dữ kiện khác	Dữ kiện khác, kể cả ngày hiệu đính SDS mới nhất

* Những phần 12 đến 15 đòi hỏi phải có tựa. Hãng cung cấp có thể không cung cấp dữ kiện trong những phần này.

Tại sao SDS có thể khó hiểu

Các SDS đều phức tạp và mang tính cách kỹ thuật. Những tờ này được soạn cho nhiều loại độc giả khác nhau, gồm cả các chuyên viên sức khỏe và an toàn, hãng sở, nhân viên giám thị, y tá, bác sĩ, nhân viên đáp ứng khẩn cấp, và công nhân như quý vị.

Để bảo đảm cho người sử dụng SDS có thể nhanh chóng tìm ra dữ kiện họ cần, dữ kiện dành cho người sử dụng khác nhau sẽ được liệt kê trong những phần cụ thể. Có một dạng nhất định sẽ giúp quý vị dễ tìm dữ kiện hơn trong mỗi tờ SDS.

Tuy nhiên, quý vị có thể thấy một số dữ kiện trong một SDS khó hiểu. Hãng sở của quý vị cần phải có thể giải thích nội dung của mỗi SDS cho quý vị để quý vị có thể làm việc an toàn với hoặc gần các sản phẩm nguy hiểm.

Khi nào quý vị nên sử dụng SDS

Luôn luôn hiểu rõ với các mối nguy hiểm của một sản phẩm **trước khi** quý vị bắt đầu sử dụng.

- Nhìn vào một SDS và tìm đúng tên của sản phẩm trên thùng đựng với sản phẩm trong SDS (Phần 1).
- Biết các mối nguy hiểm (Phần 2).
- Hiểu các hướng dẫn về vận dụng và lưu trữ an toàn (Phần 7).
- Hiểu cần phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp (phần 4, 5, và 6).

Quý vị có thể nghĩ là SDS có bốn mục đích chính. Tờ này cung cấp dữ kiện về những điều sau đây:

- **Nhận dạng** — cho sản phẩm và hãng cung cấp
- **Nguy hiểm** — vật thể (cháy và phản ứng) và sức khỏe
- **Ngăn ngừa** — những bước quý vị có thể áp dụng để làm việc an toàn và giảm bớt hoặc ngăn ngừa tiếp xúc
- **Đáp ứng** — phải làm gì trong những trường hợp khẩn cấp khác nhau (thí dụ, cứu thương, hỏa hoạn, hoặc rò rỉ hay đổ tháo)

Một vài điều cần biết:

- Biết chắc là quý vị sử dụng sản phẩm theo cách đúng với ý định của hãng chế tạo. Nếu không, khuyến cáo nêu trong SDS và nhãn có thể không thích hợp, hoặc những bước an toàn được liệt kê có thể không hiệu quả. Phần 1 của SDS nên miêu tả cách sử dụng sản phẩm điển hình và có thể nêu những điều hạn chế. Nếu cách quý vị sử dụng sản phẩm không đúng với SDS, hãy hỏi nhân viên giám thị hoặc một chuyên viên về an toàn.
- Phần 2 sẽ tóm tắt những mối nguy hiểm của sản phẩm, các biện pháp đề phòng để áp dụng, và phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp. Nhưng SDS có thể không ghi cụ thể về thể thức làm việc an toàn cần

thiết cho nơi làm việc của quý vị. (Thí dụ, SDS có thể không ghi rõ phải dùng loại mặt nạ nào, mà chỉ ghi cần có mặt nạ hô hấp.) Hỏi nhân viên giám thị của quý vị để biết thêm chi tiết. Những quyết định này có thể cần có chuyên viên về an toàn hoặc người có kiến thức về an toàn hóa chất trợ giúp.

Tựa đề MSDS so với tựa đề SDS

Bảng dưới đây so sánh tựa đề của những phần trong một MSDS mẫu với tựa đề của một SDS. Lưu ý rằng không có dạng MSDS nhất định, nhưng SDS có dạng tiêu chuẩn hóa. Các tựa đề của MSDS dưới đây được trích từ một mẫu trên worksafebc.com.

Bảng 7. Tựa đề MSDS so với tựa đề SDS

Tựa đề MSDS 9 phần	Tựa đề SDS 16 phần trong WHMIS 2015
1. Chi tiết về sản phẩm	1. Nhận dạng
2. Các nguyên liệu nguy hiểm	2. Nhận dạng nguy hiểm
3. Dữ kiện vật thể	3. Thành phần/Dữ kiện về nguyên liệu
4. Dữ kiện về cháy và nổ	4. Các biện pháp cứu thương
5. Dữ kiện về phản ứng	5. Các biện pháp cứu hỏa
6. Các tính chất về độc tính	6. Các biện pháp về tai nạn rò rỉ đổ tháo
7. Các biện pháp phòng ngừa	7. Vận dụng và lưu trữ
8. Các biện pháp cứu thương	8. Kiểm soát tiếp xúc/Bảo vệ cá nhân
9. Chi tiết về pha chế	9. Các tính chất vật thể và hóa học
	10. Ổn định và phản ứng
	11. Dữ kiện về độc tính
	12. Dữ kiện sinh thái*
	13. Các giải pháp phế thải*
	14. Dữ kiện về chuyên chở*
	15. Dữ kiện về quy chế kiểm soát*
	16. Các dữ kiện khác

* Trong phần 12 đến 15, cần phải có tựa đề, nhưng hãng cung cấp không bắt buộc phải cung cấp dữ kiện.

Tìm hiểu thêm dữ kiện ngoài một SDS

Một SDS có thể không có tất cả dữ kiện quý vị cần. Thí dụ, nhiều dữ kiện về nguy hiểm sức khỏe được viết tổng quát. Và SDS thường được viết cho nhiều cách sử dụng sản phẩm khác nhau. Do đó, các biện pháp đề phòng về vận dụng và an toàn có thể không cụ thể cho nơi làm việc của quý vị.

Những người hoặc tổ chức sau đây có thể giúp quý vị tìm thêm dữ kiện nếu cần:

- Ủy ban hoặc đại diện về y tế và an toàn của quý vị
- Chuyên viên y tế và an toàn
- Y tá về sức khỏe nghề nghiệp
- Bác sĩ gia đình của quý vị
- Nhân viên giám thị của quý vị
- Hãng sở của quý vị
- Các hãng cung cấp

Dữ kiện bảo mật của thương nghiệp

Dữ kiện bảo mật của thương nghiệp (CBI) là dữ kiện cụ thể nào đó về sản phẩm mà hãng cung cấp được phép không tiết lộ trong SDS hoặc nhãn trong ba năm. Theo WHMIS, hãng cung cấp có thể yêu cầu Health Canada (Bộ Y Tế Canada) bảo vệ một số dữ kiện nào đó giúp cho công ty có lợi thế kinh doanh so với các đối thủ cạnh tranh. Dữ kiện thiết yếu như các mối nguy hiểm sức khỏe có thể không bao giờ được giữ kín.

Sau đây là phần tóm tắt nhanh về cách CBI hoạt động:

- Các hãng cung cấp có thể nộp đơn với Health Canada để xin bảo vệ dữ kiện bảo mật của thương nghiệp.
- Đơn xin bồi thường được chấp thuận có hiệu lực ba năm.
- Chỉ được phép tiết lộ dữ kiện bảo mật của thương nghiệp cho các chuyên viên về sức khỏe hoặc an toàn trong trường hợp khẩn cấp.
- Dữ kiện về nguy hiểm sức khỏe phải được liệt kê trong SDS.

6 Áp dụng WHMIS

Chương trình WHMIS

Kế hoạch kiểm soát tiếp xúc là gì?

Kế hoạch kiểm soát tiếp xúc (ECP) đưa ra đường lối chi tiết để bảo vệ công nhân không bị tiếp xúc với một số chất nào đó (thí dụ như những chất gây ung thư) và, trong một số điều kiện, đối với tất cả các sản phẩm nguy hiểm khác.

Kế hoạch kiểm soát tiếp xúc (ECP) đưa ra đường lối chi tiết để bảo vệ công nhân không bị tiếp xúc với một số chất nào đó (thí dụ như những chất gây ung thư) và, trong một số điều kiện, đối với tất cả các sản phẩm nguy hiểm khác.

Hãng sở của quý vị cũng cần phải sử dụng kiến thức về những mối nguy hiểm của sản phẩm và việc sử dụng các sản phẩm này tại nơi làm việc. Kiến thức này phải xét đến các yếu tố như các tiến trình làm việc, biện pháp kiểm soát, và địa điểm làm việc. Thí dụ, các mối nguy hiểm của sơn xịt một sản phẩm nguy hiểm trong một chỗ kín bít bùng thì khác xa những mối nguy hiểm của sơn tay cùng một sản phẩm đó ở ngoài trời.

Dựa trên tất cả các dữ kiện này, hãng sở của quý vị phải phát triển các kế hoạch kiểm soát tiếp xúc khi cần thiết và văn bản ghi thể thức làm việc an toàn để bảo đảm sức khỏe và an toàn của quý vị. Hãng sở của quý vị cũng phải giáo dục quý vị về những mối nguy hiểm và huấn luyện quý vị về các thể thức làm việc an toàn.

Ủy ban sức khỏe và an toàn hoặc đại diện của quý vị phải tham gia vào việc phát triển, thực thi, và duyệt xét chương trình WHMIS.

Trách nhiệm của hãng sở về một chương trình WHMIS

- Giao trách nhiệm.
- Kiểm kê các sản phẩm nguy hiểm.
- Đáp ứng các đòi hỏi của SDS và nhãn.
- Xác định những mối nguy hiểm của các sản phẩm nguy hiểm.
- Thành lập các biện pháp kiểm soát tại nơi làm việc.
- Thành lập các thủ tục khẩn cấp.
- Giáo dục và huấn luyện công nhân.
- Đánh giá chương trình WHMIS.

Giáo dục và huấn luyện

Hãng sở của quý vị có trách nhiệm giáo dục quý vị về WHMIS và huấn luyện quý vị về các thể thức làm việc an toàn.

Ai nên được giáo dục và huấn luyện?

Là công nhân, quý vị phải được giáo dục và huấn luyện để quý vị hiểu về những mối nguy hiểm và biết cách làm việc an toàn với các sản phẩm nguy hiểm.

Nếu quý vị làm việc với một sản phẩm nguy hiểm, hoặc có thể tiếp xúc với một sản phẩm nguy hiểm trong công việc của mình, quý vị phải học về các dữ kiện về mối nguy hiểm cho sản phẩm đó. (Thí dụ, một nhân viên tiếp khách tại y viện có thể tiếp xúc với thủy ngân nếu bị rò rỉ hoặc đổ tháo.) Dữ kiện về mối nguy hiểm này nên gồm cả dữ kiện nhận được từ hãng cung cấp. Dữ kiện này cũng nên gồm cả bất cứ dữ kiện nào khác mà hãng sở của quý vị biết về việc sử dụng, lưu trữ, và vận dụng mỗi sản phẩm.

Thí dụ, quý vị sẽ được giáo dục và huấn luyện nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau đây:

- Quý vị có thể tiếp xúc với một sản phẩm nguy hiểm do công việc của mình (gồm việc sử dụng bình thường, các hoạt động bảo trì, hoặc các trường hợp khẩn cấp).
- Quý vị sử dụng, lưu trữ, vận dụng, hoặc phế thải một sản phẩm nguy hiểm.
- Quý vị giám thị hoặc quản trị các công nhân khác có thể tiếp xúc, hoặc sử dụng, lưu trữ, vận dụng, hoặc phế thải một sản phẩm nguy hiểm.
- Quý vị làm công việc đáp ứng khẩn cấp.

Ai nên cung cấp dịch vụ giáo dục và huấn luyện?

Theo WHMIS, hãng sở của quý vị chịu trách nhiệm về việc giáo dục và huấn luyện. WHMIS liệt kê các đòi hỏi tối thiểu này. Hãng sở của quý vị có thể giáo dục và huấn luyện, hoặc có thể là

do một người hoặc cơ quan hội đủ điều kiện do hãng sở tuyển chọn cung cấp. Bất luận ai là người cung cấp chương trình giáo dục và huấn luyện, hãng sở vẫn có trách nhiệm pháp lý phải bảo đảm công nhân được bảo vệ.

Những đề tài hướng dẫn

Thí dụ về các đề tài phải được hướng dẫn trong chương trình giáo dục và huấn luyện gồm như sau:

- Dữ kiện trên nhãn của hãng cung cấp và nhãn của nơi làm việc, và dữ kiện đó có nghĩa là gì
- Các dữ kiện trong tờ dữ kiện an toàn (SDS) và dữ kiện đó có nghĩa là gì
- Các thể thức cần thiết để sử dụng, vận dụng và phế thải an toàn sản phẩm nguy hiểm
- Bất cứ dữ kiện nào khác phải có khi sản phẩm nằm trong ống dẫn, hệ thống đường ống, chỗ chứa, xe bồn, v.v.
- Các thể thức áp dụng nếu sản phẩm nguy hiểm đó có thể có trong không khí và quý vị có thể tiếp xúc
- Tất cả các thể thức quý vị phải áp dụng trong trường hợp khẩn cấp liên quan đến sản phẩm nguy hiểm

Khi nào nên bắt đầu giáo dục và huấn luyện cho WHMIS 2015

WHMIS 2015 có hiệu lực vào Tháng Hai 2015. Vì thế, các hãng cung cấp có thể bắt đầu sử dụng và áp dụng các quy luật mới cho nhãn và SDS cho các sản phẩm nguy hiểm được bán, phân phối hoặc nhập cảng vào Canada.

Điều này có nghĩa là trong giai đoạn chuyển tiếp, hãng sở của quý vị có thể nhận các sản phẩm nguy hiểm hội đủ các điều kiện của WHMIS 1988 hoặc WHMIS 2015. Do đó, quý vị có thể bắt đầu thấy một số sản phẩm nguy hiểm theo đòi hỏi của WHMIS 2015. Vì lý do này, quý vị sẽ cần được giáo dục và huấn luyện về cả hai hệ thống.

Trách nhiệm của quý vị

Là công nhân, quý vị phải tham dự những buổi giáo dục và huấn luyện. Quý vị cũng phải tuân hành các thể thức làm việc an toàn của hãng sở của mình.

Nếu quý vị đã được giáo dục và huấn luyện thành công về WHMIS, quý vị phải có thể trả lời bốn câu hỏi sau đây cho mỗi sản phẩm nguy hiểm mà quý vị đang làm việc:

- Sản phẩm đó có các mối nguy hiểm gì?
- Làm thế nào để tự bảo vệ chính mình đối với những mối nguy hiểm đó?
- Tôi phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp?
- Tôi có thể tìm thêm dữ kiện ở đâu?

7 Bài tập

Bài tập xếp đúng biểu tượng

Hãy xếp đúng biểu tượng với mỗi nguy hiểm.

Biểu tượng	Mối nguy hiểm
1. 	A. Các vi sinh vật hoặc độc chất có thể gây bệnh ở người hoặc thú vật
2. 	B. Có thể gây ra hoặc nghi gây ra ảnh hưởng quan trọng đến sức khỏe
3. 	C. Nguy hiểm làm oxy hóa
4. 	D. Chất khí trong áp suất
5. 	E. Nguy hiểm cháy
6. 	F. Nguy hiểm phát nổ hoặc phản ứng
7. 	G. Có thể gây ảnh hưởng sức khỏe ít nghiêm trọng hơn hoặc làm hư hại tầng khí ozone
8. 	H. Có thể làm chết người hoặc gây độc tính khi tiếp xúc chút ít ngắn hạn
9. 	I. Ăn mòn kim loại, cũng như da, mắt
10. 	J. Có thể làm hư hại môi trường nước

Bài tập về nhãn

1. Nhãn WHMIS có mục đích gì?

2. Hai loại nhãn WHMIS chính là gì?

3. Hãy nêu những loại dữ kiện trên một nhãn WHMIS 2015 của hãng cung cấp tại nơi làm việc của quý vị. (Đa số nhãn của hãng cung cấp sẽ liệt kê sáu loại dữ kiện, nhưng một số có thể liệt kê bảy loại.)

- ---
- ---
- ---
- ---
- ---
- ---
- ---
- ---

4. Hãy nêu ba loại dữ kiện trên nhãn sau đây của nơi làm việc.

Solv-easy

Keep away from sparks, heat, and open flame.

Use local exhaust ventilation or NIOSH-approved organic vapour respirator.

Wear neoprene gloves and chemical splash goggles.

See the SDS.

5. Cho biết hai trường hợp có thể dùng những cách nhận dạng khác.

- ---
- ---

Bài tập về SDS

1. Các SDS được cất ở đâu tại nơi làm việc của quý vị?

2. Ngoài một số trường hợp ngoại lệ, hãng sản xuất phải bảo đảm là không có SDS nào cũ hơn ____ năm.

3. Có bao nhiêu phần trong một SDS?











4. SDS cho quý vị biết năm điều chính yếu nào?

5. Sử dụng một SDS cho một sản phẩm tại nơi làm việc của quý vị, duyệt lại những mối nguy hiểm của sản phẩm đó, các thẻ thức vận dụng an toàn, thiết bị bảo vệ cá nhân, và các đòi hỏi về lưu trữ và chuyên chở sản phẩm đó. Hãy viết các kết luận chính của quý vị trong chỗ dưới đây.

8 Lời giải

Lời giải bài tập xếp đúng biểu tượng

Hãy xếp đúng biểu tượng với mỗi nguy hiểm.

Biểu tượng	Mối nguy hiểm	Lời giải
1. 	A. Các vi sinh vật hoặc độc chất có thể gây bệnh ở người hoặc thú vật	1-G
2. 	B. Có thể gây ra hoặc nghi gây ra ảnh hưởng quan trọng đến sức khỏe	2-H
3. 	C. Nguy hiểm làm oxy hóa	3-F
4. 	D. Chất khí trong áp suất	4-B
5. 	E. Nguy hiểm cháy	5-C
6. 	F. Nguy hiểm phát nổ hoặc phản ứng	6-A
7. 	G. Có thể gây ảnh hưởng sức khỏe ít nghiêm trọng hơn hoặc làm hư hại tầng khí ozone	7-D
8. 	H. Có thể làm chết người hoặc gây độc tính khi tiếp xúc chút ít ngắn hạn	8-E
9. 	I. Ăn mòn kim loại, cũng như da, mắt	9-J
10. 	J. Có thể làm hư hại môi trường nước	10-I

Lời giải bài tập về nhãn

1. Nhãn WHMIS có mục đích gì?

Đáp: Nhãn là phần lưu ý đầu tiên cho người sử dụng về các mối nguy hiểm chính của sản phẩm nguy hiểm. Các nhãn này cũng ghi những biện pháp đề phòng cơ bản hoặc những bước an toàn nên áp dụng.

2. Hai loại nhãn WHMIS chính là gì?

Đáp: Nhãn của hãng cung cấp và nhãn của nơi làm việc

3. Hãy nêu những loại dữ kiện trên một nhãn WHMIS 2015 của hãng cung cấp tại nơi làm việc của quý vị. (Đa số nhãn của hãng cung cấp sẽ liệt kê sáu loại dữ kiện, nhưng một số có thể liệt kê bảy loại.)

Đáp:

- Tên sản phẩm
- Tên hãng cung cấp đầu tiên
- Biểu tượng
- Chữ báo hiệu
- Câu cho biết về mối nguy hiểm
- Câu đề phòng
- Dữ kiện bổ túc trên nhãn (trong vài trường hợp hiểm hoi)

4. Hãy nêu ba loại dữ kiện trên nhãn sau đây của nơi làm việc.

Solv-easy

Keep away from sparks, heat, and open flame.

Use local exhaust ventilation or NIOSH-approved organic vapour respirator.

Wear neoprene gloves and chemical splash goggles.

See the SDS.

Đáp: Tên sản phẩm, dữ kiện về vận dụng an toàn/đề phòng, và tham chiếu tờ dữ kiện an toàn

5. Cho biết hai trường hợp có thể dùng những cách nhận dạng khác.

Đáp: Hai trong số các trường hợp sau đây:

- Giao lô hàng lớn
- Bình đựng nhỏ, 100 mL trở xuống
- Hộp đựng nhỏ, 3 mL trở xuống
- Các hệ thống đường ống dẫn và chỗ chứa
- Các mẫu phòng thí nghiệm

Lời giải bài tập về SDS

1. Các SDS được cất ở đâu tại nơi làm việc của quý vị?

Đáp: Cho biết chỗ. (Lưu ý là chỗ này phải có phương tiện luôn luôn dễ dàng để lấy các SDS, dù là dưới dạng bản in giấy hay điện tử.)

2. Ngoài một số trường hợp ngoại lệ, hãng sở cần phải bảo đảm là không có SDS nào cũ hơn ____ năm.

Đáp: Ba

3. Có bao nhiêu phần trong một SDS?

Đáp: 16 (Lưu ý là các hãng cung cấp có thể không cung cấp dữ kiện cho những phần 12 đến 15.)

4. SDS cho quý vị biết năm điều chính yếu nào?

Đáp:

- Những mối nguy hiểm của một sản phẩm
- Cách sử dụng sản phẩm an toàn
- Nếu không áp dụng các khuyến cáo thì sao
- Cách nhận ra các triệu chứng tiếp xúc
- Phải làm gì trong các trường hợp khẩn cấp

5. Sử dụng một SDS cho một sản phẩm tại nơi làm việc của quý vị, duyệt lại những mối nguy hiểm của sản phẩm đó, các thể thức vận dụng an toàn, thiết bị bảo vệ cá nhân, và các đòi hỏi về lưu trữ và chuyên chở sản phẩm đó. Hãy viết các kết luận chính của quý vị trong chỗ dưới đây

Đáp: Duyệt lại và thảo luận các kết luận của quý vị.

9 Phụ Lục

Những mục dữ kiện trên nhãn của hãng cung cấp

Nếu quý vị muốn kiểm soát xem nhãn của hãng cung cấp có liệt kê tất cả những thành phần phải có, hãy dùng mẫu sẵn sau đây. Một mẫu tương tự để kiểm soát SDS cũng có trong ấn phẩm *WHMIS 2015: At Work (WHMIS 2015: Tại Nơi Làm Việc)* của WorkSafeBC, đăng trên worksafebc.com.

Loại dữ kiện		Chi tiết
1	Tên sản phẩm	Tên hiệu, tên hóa chất, tên thông thường, tên chung, hoặc tên thương mại của sản phẩm nguy hiểm.
2	Tên hãng cung cấp đầu tiên	Tên, địa chỉ và số điện thoại của hãng chế tạo Canada hoặc hãng nhập cảng Canada.
3	Biểu tượng	Một dấu hiệu nguy hiểm thường nằm trong một đường viền màu đỏ hình thoi.
4	Chữ báo hiệu	Một trong hai chữ dùng để cảnh cáo quý vị về mối nguy hiểm có thể xảy ra và để chỉ mức độ nghiêm trọng của mối nguy hiểm đó. “Danger” (Nguy Hiểm) được sử dụng cho các mối nguy hiểm có nhiều rủi ro, trong khi “Warning” (Cảnh Cáo) được sử dụng cho những mối nguy hiểm nhẹ hơn.
5	(Những) câu cho biết về mối nguy hiểm	Một hoặc nhiều nhóm chữ tiêu chuẩn hóa để miêu tả (những) mối nguy hiểm của một sản phẩm nguy hiểm. Các thí dụ gồm “Chất khí rất dễ cháy,” “Làm chết người nếu hít phải,” và “Có thể gây ra ung thư.”
6	(Những) câu đề phòng	Một hoặc nhiều nhóm chữ tiêu chuẩn hóa để miêu tả cách giảm bớt hoặc ngăn ngừa các hậu quả tai hại từ những tình trạng sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Tiếp xúc với một sản phẩm nguy hiểm, hoặc• Vận dụng hoặc lưu trữ không đúng cách một sản phẩm nguy hiểm Các thí dụ gồm “Đậy chặt nắp bình chứa,” “Đeo kính bảo vệ mặt,” và “Nếu tiếp xúc hoặc lo ngại: Nhờ chăm sóc y tế.”

Trong một vài trường hợp hiếm hoi, nhãn của hãng cung cấp cũng có thể gồm cả dữ kiện bổ túc trên nhãn về những việc sau:

- Các hành động đề phòng
- Mối nguy hiểm này chưa được liệt kê trong GHS
- Trạng thái vật thể (khí, lỏng, rắn, v.v.)
- Đường tiếp xúc (hít phải, nuốt, qua da, v.v.)

Dữ kiện bổ túc trên nhãn chỉ được ghi vào nhãn của hãng cung cấp trong các trường hợp sau đây:

- Một hỗn hợp độc hại có một nguyên liệu có độc tính cấp tính chưa biết, hoặc
- Một sản phẩm phản ứng với nước để tạo ra một loại khí độc cấp tính

Các văn phòng WorkSafeBC

Hãy đến website của chúng tôi tại worksafebc.com.

Abbotsford

2774 Trethewey Street V2T 3R1
Điện Thoại 604.276.3100
1.800.292.2219
Fax 604.556.2077

Burnaby

450 – 6450 Roberts Street V5G 4E1
Điện Thoại 604.276.3100
1.888.621.7233
Fax 604.232.5950

Coquitlam

104 – 3020 Lincoln Avenue V3B 6B4
Điện Thoại 604.276.3100
1.888.967.5377
Fax 604.232.1946

Courtenay

801 30th Street V9N 8G6
Điện Thoại 250.334.8765
1.800.663.7921
Fax 250.334.8757

Kamloops

321 Battle Street V2C 6P1
Điện Thoại 250.371.6003
1.800.663.3935
Fax 250.371.6031

Kelowna

110 – 2045 Enterprise Way V1Y 9T5
Điện Thoại 250.717.4313
1.888.922.4466
Fax 250.717.4380

Nanaimo

4980 Wills Road V9T 6C6
Điện Thoại 250.751.8040
1.800.663.7382
Fax 250.751.8046

Nelson

524 Kootenay Street V1L 6B4
Điện Thoại 250.352.2824
1.800.663.4962
Fax 250.352.1816

North Vancouver

400 – 224 Esplanade Ave. W. V7M 1A4
Điện Thoại 604.276.3100
1.888.875.6999
Fax 604.232.1558

Prince George

1066 Vancouver Street V2L 5M4
Điện Thoại 250.561.3700
1.800.663.6623
Fax 250.561.3710

Surrey

100 – 5500 152 Street V3S 5J9
Điện Thoại 604.276.3100
1.888.621.7233
Fax 604.232.7077

Terrace

4450 Lakelse Avenue V8G 1P2
Điện Thoại 250.615.6605
1.800.663.3871
Fax 250.615.6633

Victoria

4514 Chatterton Way V8X 5H2
Điện Thoại 250.881.3418
1.800.663.7593
Fax 250.881.3482

Trụ Sở / Richmond

Đường Dây Thông Tin Phòng Ngừa:

Điện Thoại 604.276.3100
1.888.621.7233 (621.SAFE)

Hành Chánh:

6951 Westminster Highway
Điện Thoại 604.273.2266

Địa Chỉ Gửi Thư:

PO Box 5350 Stn Terminal
Vancouver BC V6B 5L5

Khẩn cấp về sức khỏe & an toàn sau giờ hành chánh

604.273.7711
1.866.922.4357 (WCB.HELP)



R08/16



Printed in Canada

zero

100%
carbon
neutral

by Hemlock Printers
www.hemlock.com/zero

BK61-2015
[Vietnamese]